



HDPHARMA[®]

SINCE 1961

Bay cao cùng năm tháng



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ
Y TẾ HẢI DƯƠNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022**

MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT.....	2
TỔNG QUAN CÔNG TY	6
THÔNG TIN CHUNG	9
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	11
CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	20
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	21
CÁC RỦI RO.....	23
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG	26
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	27
DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO.....	30
NGUỒN NHÂN LỰC	37
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	38
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	41
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	44
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	45
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	46
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ	47
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.....	49
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY.....	523
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	534
CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	57
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC.....	58
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	59
BAN KIỂM SOÁT	62
LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH.....	64
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ.....	65
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	66
THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	67
TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG	68
TIÊU THỤ NƯỚC	69
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG	70
TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.....	741
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN..... Từ 77 đến 109



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Trung Việt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư!

Năm 2022 nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid – 19 xuất hiện từ cuối năm 2019 , chiến tranh giữa Nga và Ucraina, xung đột kinh tế giữa Nga và Liên minh EU và Mỹ đã càng làm cho nền kinh tế thế giới lâm vào tình trạng suy thoái nghiêm trọng. Gián đoạn, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu dẫn đến nhiều nguyên phụ liệu cho sản xuất tăng giá và khan hiếm, nhiều doanh nghiệp bị thu hẹp sản xuất hoặc tạm ngừng sản xuất và phá sản. Đại dịch cũng làm cho nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn: Thị trường tiêu thụ trong nước bị thu hẹp, sự sụt giảm đơn hàng xuất khẩu và khó khăn trong lưu thông hàng hóa; chi phí lưu kho, vận chuyển tăng cao.

Ngành Dược cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng đó. Ngoài các khó khăn chung, Công ty chúng ta còn gặp khó khăn liên quan đến thị trường cạnh tranh khốc liệt với sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài với hàng trăm năm kinh nghiệm đầu tư vào Việt Nam, của các doanh nghiệp trong nước ồ ạt đầu tư mở rộng SX – KD, đồng thời các vấn đề về chính sách của Ngành Dược như : chuẩn sản xuất, chuẩn quản lý... cũng có nhiều thay đổi.

Từ cuối năm 2021 chính phủ đã có Nghị quyết 128/NQ-CP, Quy định tạm thời “ THÍCH ỨNG AN TOÀN, LINH HOẠT, KIỂM SOÁT HIỆU QUẢ DỊCH COVID-19” Nền kinh tế Việt nam đã có khởi sắc và kết quả là GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước, đây là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022.

Công ty hiện nay có 6 dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP – WHO với nhiều dạng bào chế sản phẩm, tạo nhiều việc làm cho người lao động cũng như tạo lợi nhuận cho công ty. Trước đây do công ty đầu tư tiết kiệm, nên bây giờ phải tái đầu tư và đầu tư mới cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, với công nghệ SX tiên tiến nhất. Vốn hóa của công ty hiện nay khoảng 375 tỷ, đây

là con số còn khiêm tốn so với một Ngành đòi hỏi đầu tư nhiều như Ngành Dược. Quá trình tái đầu tư đòi hỏi giá trị vốn - tài sản phải lớn hơn, Năm 2022 dự án Nhà máy mới HDPHARMA đạt chuẩn GMP WHO tại Phường Cẩm Thượng giai đoạn 1, văn phòng chi nhánh tại TP Cần Thơ đã đầu tư hoàn thành và đang trong quá đưa vào khai thác. Dây chuyền sản xuất Thuốc viên, cốm, sủi không chứa kháng sinh Betalactam, đã được cấp chứng chỉ đạt tiêu chuẩn EU - GMP tháng 6/2022, Công ty CP Dược VTYT Hải Dương đã trở thành Doanh nghiệp đầu tiên ở Miền Bắc có dây chuyền SX đạt chuẩn EU-GMP, đây là bước ngoặt chuyển mình lên một tầm cao mới về “Chuẩn sản xuất” của Công ty chúng ta, là kết quả của sự cố gắng và nỗ lực của HĐQT, Ban giám đốc và đội ngũ trí thức trẻ đã vất vả và theo đuổi trong nhiều năm qua.

Với những gì đã đạt được Công ty sẽ khai thác có hiệu quả, vượt qua những ảnh hưởng, khó khăn của nền kinh tế, đồng thời HDPHARMA vẫn khẳng định tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển của Công ty đến năm 2024 và bổ sung một điểm như sau:

- ✓ Xác định việc đầu tư sản xuất theo chuẩn GMP EU là định hướng lâu dài.
- ✓ Mở rộng ngành nghề, đăng ký sản xuất vật tư y tế, phát triển thêm những mặt hàng mỹ phẩm, khai thác tối ưu hóa sản xuất trên các dây chuyền hiện có để tạo ra thêm lợi nhuận, duy trì ổn định công ty và lấy thu nhập đó nuôi dự án dài hạn.
- ✓ Chuẩn bị các điều kiện cần và đủ về nguồn vốn, về giải pháp công nghệ, danh mục và chủng loại máy móc thiết bị, mặt bằng công nghệ Để triển khai giai đoạn 2 của dự án Nhà máy mới HDPHARMA tại Cẩm Thượng, theo dự án được UBND tỉnh chấp thuận đầu tư, cụ thể là xây dựng 2 dây chuyền gồm: Tiêm bột và Viên Beta Lactam nhóm kháng sinh Cephalosporin đạt chuẩn EU-GMP.
- ✓ Hoàn thiện hệ thống kinh doanh (*Kênh bán hàng OTC và ETC*) toàn quốc và nâng lên một tầm mới để có thể tăng tỷ lệ doanh số hàng sản xuất, để hàng sản xuất trở thành trụ cột chính.
- ✓ Xây dựng và triển khai dự án: “Xây dựng vùng nuôi trồng, chế biến dược liệu được kiểm soát theo tiêu chuẩn GACP” tại Thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- ✓ Xây dựng dự án mở rộng qui mô nhà máy phù hợp với chuẩn quốc tế và tầm nhìn chiến lược của Ngành Dược Việt Nam cho giai đoạn tiếp theo đến năm 2030 tại Hải Dương với diện tích khoảng từ 5 – 10ha.

Kính thưa các Cổ đông và Nhà đầu tư! Khó khăn nhưng chúng ta không có con đường nào khác ngoài chuyện phải vượt qua. Tôi hi vọng các cổ đông đồng lòng để hướng tới những tầm cao mới trong tương lai. Đại diện HĐQT, Tôi cũng hứa với các cổ đông kiểm soát chặt chẽ từng đồng của Công ty để đầu tư có hiệu quả.

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc và những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, các đối tác và Quý khách hàng của Công ty. Tôi cũng chân thành cảm ơn tất cả cán bộ nhân viên Công ty vì sự nỗ lực hết mình trong những năm qua. Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương đã, đang và sẽ luôn luôn phấn đấu ngày càng lớn mạnh để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị dành cho chúng tôi.

Chủ Tịch Hội đồng Quản Trị



**CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN TRUNG VIỆT**

TÂM NHÌN

Xây dựng Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những ngọn cờ đầu trong lĩnh vực Dược phẩm Việt Nam và xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO , GMP- EU và đa dạng các mặt hàng thuốc.

SỨ MỆNH

Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư: Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông, tăng cường sự minh bạch, kịp thời công khai hóa thông tin các hoạt động của Công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư và chủ động tạo cơ hội đối thoại với nhà đầu tư.

Đối với Khách hàng: Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài; lắng nghe và luôn cùng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Đối với Đối tác Kinh doanh: Duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho xã hội.

Đối với Cộng đồng Xã hội: DHD vẫn luôn thực hiện trách nhiệm đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực với mong muốn góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Đối với Nhân viên: Trân trọng sự đóng góp của nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên góp phần cho sự phát triển Công ty.

TỔNG QUAN CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

CỘT MỐC LỊCH SỬ

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

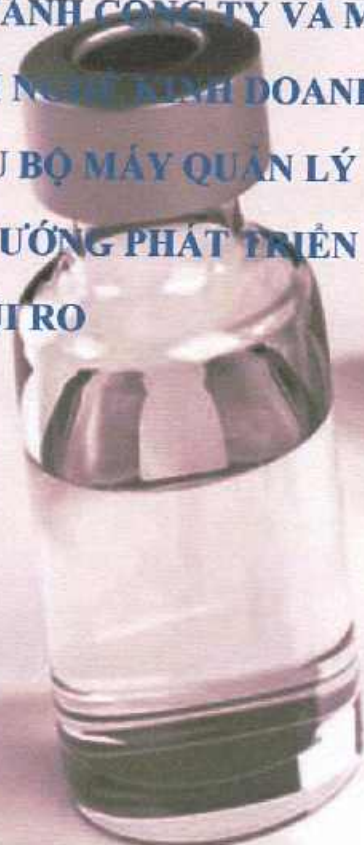
CHI NHÁNH CÔNG TY VÀ MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO



THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Tên tiếng Anh

HAIDUONGPHARMACEUTICAL MEDICAL
MATERIAL JOINT STOCK COMPANY

Logo



Địa chỉ trụ sở chính

Số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Giấy đăng ký kinh doanh

Số 0800011018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương, cấp lần đầu ngày 04/04/2003, thay đổi lần thứ 19 ngày 10/08/2022.

Vốn điều lệ đăng kí

149.997.850.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp

149.997.850.000 đồng

Điện thoại

0220.3853.848

Fax

0220.3853.848

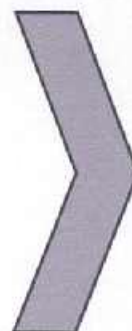
Website

<http://hdpharma.vn/>

Mã cổ phiếu

DHD

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương (HDPHARMA) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước. Kể từ khi thành lập đến nay, quá trình xây dựng và phát triển của Công ty luôn gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của ngành Dược Việt Nam cùng với những bước thăng trầm trong tiến trình lịch sử phát triển kinh tế của đất nước. Quá trình phát triển của công ty có thể tóm lược qua những cột mốc như sau:

➤ 1961

Ủy ban hành chính tỉnh Hải Dương thành lập Quốc doanh dược phẩm.

➤ 1966

Quốc doanh dược phẩm tách thành hai đơn vị hành chính độc lập: Quốc doanh dược phẩm tỉnh Hải Hưng và xí nghiệp Dược tỉnh Hải Hưng.

➤ 1982

Quốc doanh dược phẩm Hải Hưng và Xí nghiệp Dược Hải Hưng lại được hợp nhất thành Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng.

➤ 1988

Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng đổi tên thành công ty Dược VTYT Hải Dương.

2003

Công ty Dược VTYT Hải Dương chuyển thành Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương với vốn điều lệ là 10,26 tỷ đồng.

➤ 2007

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đổi tên giao dịch thành HDPHARMA.

➤ 2010

Công ty tăng vốn điều lệ từ 10,26 tỷ lên 30 tỷ đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cổ đông chiến lược.

➤ 2018

14/06/2018: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 14, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng.

2019

Năm 2019 Công ty đã chuyển đổi 20 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu cho cổ đông. Ngày 28/10/2019: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 15, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng.

2020

Năm 2020 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2019 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2020 số tiền : 19.999.450.000 đồng Ngày 28/5/2020: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 17, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 99.999.450.000 đồng.

2021

Năm 2021 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2020 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2021 số tiền : 19.999.430.000 đồng Ngày 26/5/2021: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 18, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 119.998.880.000 đồng.

2022

Năm 2022 Công ty đã trả cổ tức cho các cổ đông năm 2021 theo nghị quyết đại hội cổ đông năm 2022 số tiền : 29.998.970.000 đồng Ngày 26/7/2022: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 19, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 149.997.850.000 đồng

CHI NHÁNH CÔNG TY VÀ MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

HẢI DƯƠNG

Trụ sở chính Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành Phố Hải Dương, Hải Dương, Việt Nam

HÀ NỘI

Văn phòng công ty và Chi nhánh Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương tại Hà Nội . Địa chỉ:Lô đất Số 01, ô D6C, khu đất đấu giá quyền sử dụng đất, Phường Xuân La , Quận Tây Hồ , Thành phố Hà Nội , Việt Nam

TUYÊN QUANG

Công ty Dược Tuyên Quang

HẢI PHÒNG

Công ty TNHH Dược phẩm Hậu Vũ; Công ty TNHH Dược phẩm Minh Nhật

ĐIỆN BIÊN

Công ty cổ phần Dược phẩm Điện Biên

HÒA BÌNH

Công ty TNHH Dược phẩm Hà Việt

SƠN LA

Công ty cổ phần Dược phẩm Dương Hồng Thúy

BẮC NINH

Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh

BẮC GIANG

Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Giang ; Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Đông

THÁI NGUYÊN

Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Lan ; Công ty TNHH Dược phẩm Hữu Yên

LẠNG SƠN

Nhà thuốc Thành Công

QUẢNG NINH

Công ty TNHH Hải Bình

NAM ĐỊNH

Công ty TNHH Dược phẩm Tuyên Thạc

VĨNH PHÚC

Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc ; Công ty TNHH Dược phẩm Hải Nga

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương tại TP.HCM Địa chỉ: 99 đường số 101 – TML - Phường Thạnh Mỹ Lợi - Quận 2 - TP.HCM – Việt Nam

ĐÀ NẴNG

Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương – Chi nhánh Miền Trung.

Địa chỉ : Lô 9 – C4. KDC Hòa phát 4, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng , Việt Nam

ĐẮC LẮC

Công ty Cổ phần Dược VTYT Đắc Lắc.

LÂM ĐỒNG

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng.

NINH THUẬN

Công ty Cổ phần Dược VTYT Ninh Thuận.

CẦN THƠ

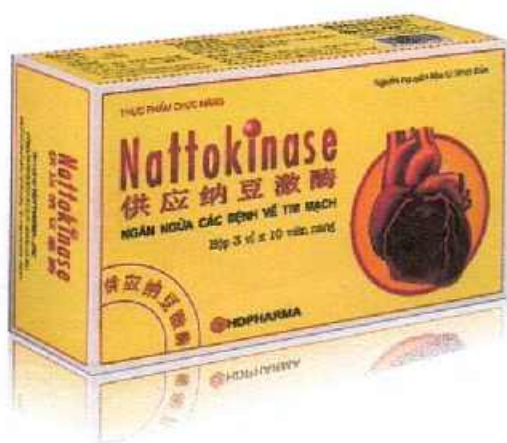
Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương – Chi nhánh Cần Thơ.

Địa chỉ : Lô 09 – 53 – 54. Đường số 7, Khu dân cư Stella Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ , Việt Nam

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chính hình và phụ hồi chức năng;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm chức năng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng cây dược liệu;
- Chăn nuôi tác kê, rắn (được Nhà nước cho phép);
- In ấn;
- Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, dược phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;
- Cho thuê văn phòng, bến bãi, cửa hàng, nhà kho, nhà ở;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia, sản xuất nước uống không cồn, nước khoáng.
- Xây dựng nhà các loại .

MỘT SỐ SẢN PHẨM CHÍNH:









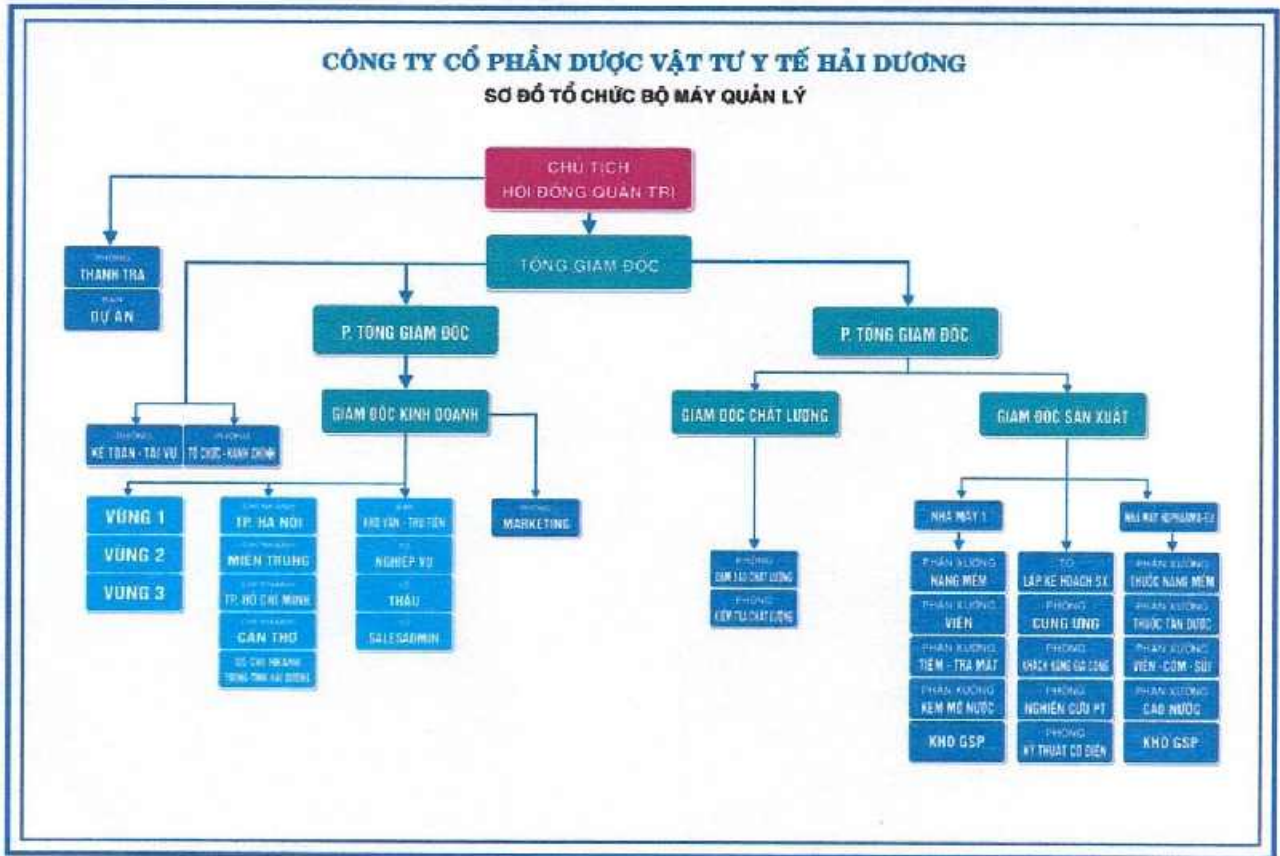








CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty gồm ba (03) thành viên.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bầu nhiệm, là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu

Xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO và đa dạng các mặt hàng thuốc. Hệ thống các dây chuyền:

Dây chuyền thuốc viên nang mềm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.

Dây chuyền dung dịch tiêm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.

Dây chuyền thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam và dây chuyền thuốc viên, thuốc bột, thuốc cốm, siro, thuốc nước uống thuốc dùng ngoài, rượu thuốc, cao thuốc...có nguồn gốc từ dược liệu.

Dây chuyền thuốc kem, thuốc mỡ và gel không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam.

Dây chuyền thuốc viên + Cốm + Sủi không chứa nhóm kháng sinh Beta-lactam đạt tiêu chuẩn EU - GMP

Dây chuyền sản xuất mỹ phẩm, vật tư y tế.

Dây chuyền thuốc tân dược gồm tiêm bột và viên Betalactam nhóm kháng sinh Cephalosporin đạt tiêu chuẩn EU - GMP

Kiến toàn hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm đến ngang tầm tiêu chuẩn của khối EU.

Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những điểm đến hợp tác hấp dẫn, an toàn, hiệu quả, đáng tin cậy của các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài.

Chiến lược phát triển

Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh

Lấy phục vụ làm mục đích kinh doanh, lấy hiệu quả kinh doanh làm động lực của sự phát triển.

Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Bảo vệ và nâng cao chất lượng sản phẩm là sứ mệnh của Doanh nghiệp.

Về chính sách thị trường và bán hàng

Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến vùng sâu, vùng xa trong nước và Quốc tế để phục vụ kịp thời người tiêu dùng.

Về tuyên truyền, quảng bá thương hiệu, sản phẩm/ dịch vụ

Có kế hoạch quảng bá trên VTV1, VTV3 và các kênh truyền hình địa phương; trên các báo - tạp chí; trên Website của công ty và Website khác.

Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật

- Đầu tư đổi mới máy móc, trang thiết bị hiện đại cho các dây chuyền hiện có của công ty.
- Hiện đại hóa dây chuyền sản xuất Đông dược theo tiêu chuẩn GMP - WHO.
- Nâng cấp dây chuyền sản xuất thuốc Nước và kem mỡ đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.
- Mở rộng dây chuyền thuốc Tiêm.
- Đầu tư xây dựng Dây chuyền thuốc tân dược gồm tiêm bột và viên Betalactam nhóm kháng sinh Cephalosporin đạt tiêu chuẩn EU - GMP
-

Về chính sách đào tạo nhân lực

- Mở rộng đào tạo tại chỗ; gửi CBCNV đi đào tạo nâng cao.
- Mời chuyên gia đến hướng dẫn sử dụng máy móc, chuyển giao công nghệ cho CBCNV làm việc trực tiếp.

Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.
- Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).
- Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.
- Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất. Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

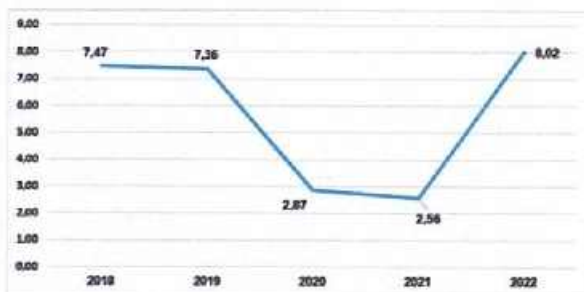
CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ:

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ sẽ tác động trực tiếp đến việc tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến sự nhu cầu tiêu dùng của xã hội, thúc đẩy sự gia tăng sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị phần. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có DHD.

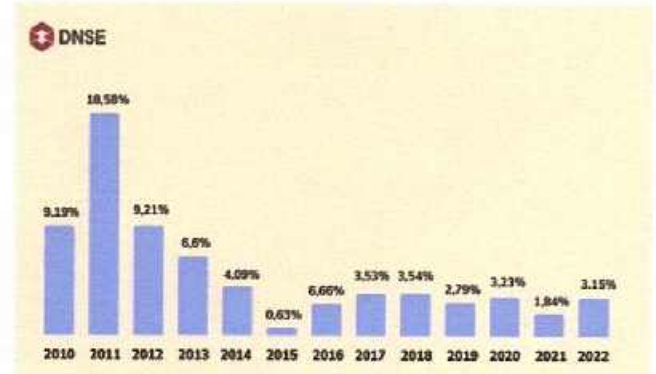
Tăng trưởng kinh tế

Theo báo cáo của cục thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 tăng trưởng 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2011-2022. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Năm 2022 Quốc hội, Chính phủ có chứng giải pháp, chính sách phòng cho dịch hợp lý, đồng bộ bởi vậy mặc dù vẫn còn ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 như đứt gãy các chuỗi kinh tế trong nước và toàn cầu.. song sản xuất kinh doanh trong nước đã hồi phục và tăng trưởng một cách kỳ diệu .Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành nghề kinh tế và tất nhiên sẽ có ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu dùng của người dân đối với các sản phẩm liên quan đến ngành Dược.



Lạm phát

Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến rất phức tạp và dao động với biên độ lớn tạo ra sự bất ổn định về giá cả và gây ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Theo báo cáo của cục thống kê Việt Nam thuộc nhóm các nước có mức lạm phát thấp so với mặt bằng chung, khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Bình quân cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, thấp hơn mục tiêu khoảng 4% Quốc hội đặt ra.



Năm 2021 lạm phát là 3,15%. Đây là mức tăng trở lại gần tương đương với năm 2020. Và điều đó có nghĩa, mặc dù có những chính sách tiền tệ linh hoạt vào những tháng cuối năm 2022 so do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19, chiến tranh Nga và Ucraina, xung đột giữa Nga và khối EU, mỹ....đã làm ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế của nước ta và là nguyên nhân chính cho lạm phát của chúng ta năm 2022 tăng lên 3,15% , song với mức độ này thì chung ta vẫn đang kiểm soát lạm phát còn dưới cả mục tiêu Quốc hội đề ra (khoảng 4%).Như vậy là đã 3 năm liên tiếp, Việt

Nam kiểm soát được lạm phát dưới 4% , còn năm 2020 là 3,23%. Năm 2021 lạm phát

là 1,84% và năm 2022 lạm phát là 3,15%

Lãi suất
Công ty chịu rủi ro về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này được công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi. chủ động cân đối tốt , hợp lý các nguồn vốn trong thanh toán để tiết kiệm tối đa vốn lưu động, chi phí vốn vay.

RỦI RO CẠNH TRANH

Trong một thời gian ngành Dược được đánh giá là ngành hấp dẫn nên đã thu hút được dòng tiền nhiều. Rất nhiều nhà máy đã và đang xây mới. Đầu tư của các nhà máy thì ngày càng quy mô và bài bản. Điều đó đã dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt những năm tới khi các nhà máy này đi vào hoạt động.

Một xu hướng trong những năm gần đây và những năm tiếp theo là các tập đoàn Dược phẩm nước ngoài với kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất và kinh doanh dược phẩm, công nghệ hiện đại cũng như tiềm lực tài chính vô cùng lớn đang đầu tư vào Việt Nam. Hệ thống các chuỗi bán buôn, bán lẻ trong nước và nước ngoài hình thành nhanh chóng chiếm lĩnh và chia sẻ thị trường phân phối dược phẩm tại Việt Nam ví dụ như chuỗi nhà thuốc [Long Châu](#), [Pharmacy](#), An Khang... Theo kế hoạch, tổng số nhà thuốc của ba chuỗi bán lẻ này có thể lên đến con số 7.300 trong năm 2025, tương đương 16% thị phần. Thực tế này đòi hỏi Công ty phải nâng cao hơn nữa chất lượng các sản phẩm thuốc, cải tiến công nghệ và đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm, cập nhật liên tục các sản phẩm thế hệ mới nhưng giá cả hợp lý, thị trường có nhu cầu thực sự, xây dựng hệ thống phân phối uy tín, lan tỏa đến mọi nơi, đạt độ tin cậy trong giới y khoa và người

tiêu dùng để có thể tồn tại và cạnh tranh trên chính thị trường.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLD, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các điều Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Dược... Song Luật pháp và các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ và đang trong quá trình hoàn thiện nên sẽ tác động đến kết quả kinh doanh và định hướng của Công ty. Việc này

dễ dẫn đến nguy cơ bị kiện tụng, tranh chấp, bồi thường có thể xảy ra nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới. Doanh nghiệp luôn tập trung chú ý vào sự cập nhật của pháp luật cũng như là thuê các bên tư vấn để đảm bảo tính

pháp lý trong việc sản xuất và vận hành. Hơn thế nữa, công ty đã và đang thực hiện việc đào tạo các chuyên viên pháp lý để kịp thời nắm bắt và cập nhật kiến thức pháp luật.

RỦI RO VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Hiện nay Cục Quản lý Dược đã đưa chuẩn PIC/S vào tiêu chuẩn. Yêu cầu của sản xuất thuốc là chuẩn GMP - WHO đòi hỏi làm đúng chuẩn. Chính sách của Cục đã rất rõ ràng: Muốn tiếp tục sản xuất thì phải đảm bảo các điều kiện theo yêu cầu của nhà máy đạt chuẩn, còn nếu không đạt thì Công ty sẽ không được quyền sản xuất nữa. Vì vậy, chỉ có các doanh nghiệp đầu tư bài bản, sản xuất bài bản mới tồn tại được. Xu hướng làm đúng chuẩn kiên quyết loại bỏ các DN thực hiện không đúng chuẩn là tất yếu trong quá trình phát triển của Ngành Dược.

Sau khi thông tư 15/2019 có hiệu lực từ năm 2019, các công ty sản xuất dược nội địa bắt đầu cuộc chạy đua xây dựng dây chuyền sản xuất đạt chuẩn EU-GMP. Canh tranh Nhà máy đạt chuẩn EU-GMP sẽ rất khốc liệt trong trung hạn. Đó không chỉ liên quan đến bài toán về nguồn vốn mà còn cả về chất lượng sản phẩm.

Từ năm 2020 trở đi, các cơ quan quản lý yêu cầu tách riêng sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thuốc, có nghĩa là nếu muốn sản xuất đồng thời cả thực phẩm bảo vệ sức khỏe và thuốc chúng ta phải nhân đôi số dây chuyền. Điều này xảy ra vì sự suy giảm nhiều của thực phẩm bảo vệ sức khỏe do thị trường mất lòng tin đối với sản phẩm cũng như cạnh tranh nhiều. Sản phẩm sản xuất của chúng ta có rất nhiều là gia công thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Sự suy giảm này cũng ảnh hưởng đến chúng ta.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DƯỢC PHẨM

Vấn đề hàng giả, hàng nhái là một trong những thực tế đáng lo ngại nhất hiện nay đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Mặc dù Luật sở hữu trí tuệ ra đời đã góp phần bảo vệ các doanh nghiệp dược trước sự xâm hại của hàng giả, hàng nhái cũng như lành mạnh hóa môi trường cạnh tranh của ngành nhưng vẫn không giải quyết được triệt để rủi ro này. Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc biệt, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sự an toàn của con người. Hơn nữa, chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành Dược cao hơn so với bất cứ ngành công nghiệp nào khác, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp. Bên cạnh đó, các thuốc phục vụ cho dịch bệnh, thuốc chuyên khoa luôn phải dự trữ nhưng luôn tiềm ẩn rủi ro không tiêu thụ được. Hàng hóa trong lĩnh vực Dược phẩm có thời hạn sử dụng nhất định. Việc không tiêu thụ hết sản phẩm khi hết thời hạn sử dụng mang lại rủi ro thua lỗ cho doanh nghiệp. Trước những rủi ro mang tính đặc thù đó, Công ty phải có những biện pháp phù hợp cũng như khả năng xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý để hạn chế những rủi ro này.

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Do đặc thù ngành hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Công ty phải chịu tác động trực tiếp từ sự biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào, nguồn sản xuất, xuất xứ của nguyên liệu. Đặc biệt, với những lĩnh vực đặc thù như ngành Dược, Công ty phải chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước về giá bán đầu ra. Chính vì thế, Công ty phải gánh chịu những rủi ro đặc thù, tiềm ẩn những biến động khó lường. Đặc biệt là năm 2021 và đầu năm 2022 đại dịch tái bùng phát trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam, chiến tranh giữa Nga và Ucraina.....nó ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, đến chuỗi cung ứng toàn cầu trong đó có nguyên liệu của ngành dược, tình trạng thiếu NPL, giá cả tăng, chi phí vận chuyển tăng... dẫn đến nhiều DN phải ngừng nghỉ SX, phá sản. Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thương lượng với các nhà cung ứng về giá và chủ động thực hiện việc thu mua dược liệu để duy trì sự ổn định lâu dài về chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

NGUỒN NHÂN LỰC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	2022	2021	2022/ 2021
Doanh thu thuần	Đồng	615.835.205.058	620.187.812.016	99,3%
Giá vốn hàng bán	Đồng	442.906.586.466	452.354.625.777	97,9%
Lợi nhuận gộp	Đồng	172.928.618.592	167.833.186.239	103,0%
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	197.360.639	133.943.814	147,3%
Chi phí hoạt động tài chính	Đồng	6.473.171.683	7.931.262.279	81,6%
Chi phí bán hàng	Đồng	61.042.684.185	59.199.407.339	103,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	69.102.574.001	66.394.724.185	104,1%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	36.507.549.362	34.441.736.250	106,0%
Lợi nhuận khác	Đồng	1.717.879.103	2.731.222.270	62,9%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	37.765.684.122	37.172.958.520	101,6%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	30.008.055.100	29.622.074.815	101,3%

Tổng doanh thu:

Doanh thu thuần 2022 giảm 0,7% so với 2021, trong khi năm 2021 giảm 3,2% so với 2020

Tổng chi phí:

Trong năm 2022, chi phí tài chính giảm: 28,4% so với năm trước.

Trong năm 2022, chi phí bán hàng tăng 3,1% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 4,1% so với năm trước.

Lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế TNDN: 37.765.684.122 đồng, tăng 1,6% so với năm 2021, tương đương số tiền : 592.725.602 đồng.

- ✓ Mặc dù doanh thu thuần năm 2022 giảm 0,7% so với năm 2021, nhưng do cơ cấu doanh thu hàng SX tăng, làm tỷ lệ lãi gộp bình quân / doanh thu thuần tăng 1% vì vậy tổng lợi nhuận gộp đạt 172.928.618.592đ tăng so với năm 2021 : 5.095.432.353đ.
- ✓ Chi phí tài chính giảm 28,4%

- ✓ Chi phí bán hàng + chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2022 tăng số với năm 2021 là 3,6%.
- ✓ Lợi nhuận khác giảm : 37,1% so với năm 2020 tương đương số tiền : 1.013.343.167 đ.

Tỷ lệ lãi gộp BQ tăng làm tăng lãi gộp , Chi phí tài chính giảm là nguyên cơ bản để công ty tiết kiệm được chi phí /1đồng doanh thu thuần , là cơ sở làm cho lợi nhuận trước thuế TNDN năm nay cao hơn năm trước.

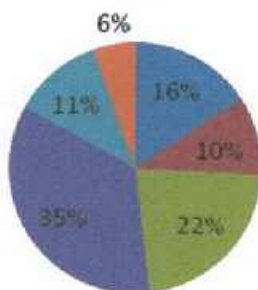
Hoạt động sản xuất năm 2022

(ĐVT: nghìn đồng)

Chi tiêu	TH 2022	TH 2021	TH 2022/ 2021
Phân xưởng tiêm tra mắt	49.890.059	40.218.109	124,04%
Phân xưởng Cao nước	32.252.815	23.516.834	137,14%
Phân xưởng viên	71.715.152	77.530.000	92,53%
Phân xưởng nang mềm	111.997.847	98.418.579	113,80%
Phân xưởng Kem mỡ nước	36.562.976	29.047.419	125,78%
Phân xưởng Viên 2 - EU	18.114.746	13.672.668	132,49%
Phân xưởng Khẩu trang	0	75.547	0%
Tổng giá trị sản lượng	320.533.595	282.479.660	113,47%

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG SX NĂM 2022

- Phân xưởng tiêm tra mắt
- Phân xưởng viên
- Phân xưởng Kem mỡ nước
- Phân xưởng Cao nước
- Phân xưởng nang mềm
- Phân xưởng Viên 2 - EU



Công tác kế hoạch sản xuất: Đây là mảng công việc gặp rất nhiều khó khăn do trong năm 2022 vì cùng với việc thay đổi tư duy phương pháp điều hành và quản lý mới và dịch bệnh Covid – 19 bùng phát kéo dài và trên diện rộng , chiến tranh Nga và Ucraina , sung đột kinh tế Nga và Liên minh EU và Mỹ , đã làm tê liệt chuỗi cung ứng, nguyên liệu khan hiếm , giá cả luôn biến động tăng , hàng hóa lưu thông không thuận tiện , ách tắc , nhu cầu của Khách hàng thất thường , xu hướng tiêu dùng không ổn định làm cho công tác lập KH luôn bị động, mất cân đối ảnh hưởng đến sản xuất và bán hàng.

♦ Giá trị sản lượng sản xuất năm: 320.533.595.000đ; đạt 84,35% so với kế hoạch 380 tỷ ; tăng : 13,47% so với năm 2021, tương đương số tiền : 38.053.935.000đ.

Đánh giá: Năm 2022 chúng ta không hoàn thành chỉ tiêu “*Giá trị sản lượng sản xuất*”. Nguyên nhân chính không hoàn thành kế hoạch là :

- ✓ Dây chuyền EU - GMP được thẩm định và cấp giấy chứng nhận EU – GMP tháng 6 /2022 nhưng cũng chưa chính thức đưa vào hoạt động , do vậy không tạo ra SP đạt chuẩn EU có giá trị cao trong sản xuất.
- ✓ Dây truyền viên có rất ít số đăng ký và mới có được 1 số sản phẩm ra thị trường với sản lượng còn thấp. Có rất nhiều số đăng ký hết hạn việc gia hạn số đăng ký chưa kịp thời nên ảnh hưởng đến việc sản xuất và hàng hóa ra thị trường.
- ✓ Do ảnh hưởng của đại dịch lạm phát toàn cầu giá cả tăng cao nên sức mua của người tiêu dùng giảm.
- ✓ Năm 2022 công ty chú trọng đến các thị trường xuất khẩu và đã có sự tăng trưởng tốt sản phẩm xuất khẩu đạt 19,763 tỷ đồng, tăng so với 2021 là: 3,391 tỷ đồng.
- ✓ Do ảnh hưởng của chủ trương phong tỏa, giãn cách xã hội để phòng chống đại dịch COVID – 19 bùng phát lần thứ 4 trên toàn quốc, đã làm chuỗi cung ứng nguyên liệu, hàng hóa bị đứt gãy , vận chuyển ngưng trệ, giá cả tăng cao nên sức mua của người tiêu dùng giảm, dẫn đến doanh số bán hàng bị suy giảm.
- ✓ Hệ thống phân phối theo chiến lược kinh doanh mới toàn quốc đã triển khai được 5 năm, song do sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong Ngành dược dẫn đến doanh số của nhóm hàng sản xuất của công ty , nhóm hàng gia công cho khách hàng gia công bị giảm đáng kể.

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Trung Việt
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ngày tháng năm sinh: 26/4/1969
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học xã hội
Quá trình công tác:
♦ Từ năm 1997 – tháng 03/2014: Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Vinasun – Ucraina – Kiev
♦ Từ tháng 04/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 6.096.450 cổ phiếu chiếm 40,64% vốn Điều lệ.



Bà Nguyễn Thị Tú Anh
Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 01/9/1965
Trình độ chuyên môn: Dược sỹ Đại học
Quá trình công tác:
♦ Từ tháng 02/1989 đến tháng 10/1991: Đại lý thuốc cho Hiệu thuốc Trung tâm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng
♦ Từ tháng 11/1991 đến tháng 7/1995: Tổ trưởng Tổ Pha chế thuốc Tiêm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng
♦ Từ tháng 8/1995 đến tháng 3/2003: Mậu dịch viên bán thuốc tại Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương
♦ Từ tháng 04/2003 đến tháng 10/2011: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
♦ Từ tháng 11/2011 đến tháng 03/2016: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
♦ Từ tháng 04/2016 đến nay: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 601.200 cổ phiếu chiếm 4,01% vốn Điều lệ.



Ông Trần Phúc Dương
Thành viên Hội Đồng
Quản Trị .

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1989 – năm tháng 07/2015: Tự kinh doanh

♦ Từ tháng 08/2015 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Khu vực Miền Nam

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 609.187 cổ phiếu chiếm 4,06% vốn Điều lệ.

Health Care
Doctor
Nurse
Pharmacist
Nurse
Dentist
First Aid
Surgeon
Emergency

BAN KIỂM SOÁT



Bà Phạm Thị Thủy
Trưởng Ban Kiểm Soát



Ông Trần Kim Cương
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày tháng năm sinh: 02/5/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 10/1992 - tháng 3/2015: Nhân viên Phòng Kế toán - Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 4/2015 - tháng 11/2015: Thanh tra Tài chính - Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Tháng 12/2015 - tháng 10/2016: Thanh tra Tài chính, Trợ lý Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Tháng 11/2016 - nay: Thanh tra Tài chính, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thanh tra Tài chính, Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 37.500 cổ phiếu chiếm 0,25% vốn điều lệ.

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1975

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 7/1996 - tháng 8/2004: Mật dịch viên bán thuốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 10/2004 - tháng 3/2009: Chủ nhiệm Hiệu thuốc Chí Linh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 4/2009 - nay: Giám đốc Chi nhánh Thị xã Chí Linh - Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Chi nhánh công ty cổ phần dược VTYT Hải dương tại Thành phố Chí Linh - Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 49.967 cổ phiếu chiếm 0,33% vốn Điều lệ.



**Bà Nguyễn Thị Hương
Lan**
Thành viên Ban Kiểm
Soát

Ngày tháng năm sinh: 06/08/1987

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 12/2010 – tháng 12/2013: Nhân viên Phòng Nghiệp vụ Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 01/2014 – tháng 02/2015: Phó Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 03/2015 – tháng 06/2018: Phó Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất- Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 07/2018 đến tháng 11/2020: Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 12/2020 đến nay: Phó phòng Cung ứng tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 7.087 cổ phiếu chiếm 0,047% vốn Điều lệ.

Medical
Pharmacist
Nurse
Dentist
First Aid
Surgeon
Emergency

BAN LÃNH ĐẠO



Ông Đặng Văn Việt

Giám Đốc Chất lượng

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1965

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

◆ Từ tháng 5/1991 - tháng 5/1995: Cán bộ Hiệu thuốc Đông Anh - Hà Nội

◆ Từ 6/1995 - năm 2001: Quản đốc Phân xưởng tại Công ty Cổ phần Traphaco Hà Nội

◆ Từ 2002 - tháng 12/2003: Giám đốc Công ty Cổ phần Traphaco Sapa

◆ Từ tháng 1/2004 - tháng 3/2007: Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Nam Dược Hà Nội

◆ Từ tháng 4/2007 - tháng 10/2012: Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 11/2012 - tháng 4/2015: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

◆ Từ tháng 5/2015 đến nay: Giám đốc Chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Chất lượng

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 59.717 cổ phiếu chiếm 0,398% vốn Điều lệ.



Ông Phạm Văn Năm
Giám Đốc Kinh doanh

Ngày tháng năm sinh: 20/7/1980

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 9/2002 – tháng 12/2011: Nhân viên Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

♦ Từ tháng 01/2012 – tháng 11/2015: Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

♦ Từ tháng 12/2015 – tháng 6/2018: Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang kiêm Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Kinh doanh thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

♦ Từ tháng 7/2018 – tháng 7/2020: Phó Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

♦ Từ tháng 8/2020 đến nay: Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Chi nhánh Huyện Ninh Giang thuộc Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương.

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Kinh doanh

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 8.117 cổ phiếu chiếm 0,05% vốn Điều lệ.



Ông Chu Văn Long
Kế Toán Trưởng

Ngày tháng năm sinh: 06/02/1966

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính kế toán – Chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1993–năm 1997: Nhân viên kế toán- Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ năm 1998–năm 2003: Phó phòng kế toán – Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ 2004 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Dược vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Kế toán trưởng

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 54.017 cổ phiếu chiếm 0,36% vốn Điều lệ.

Health Care
Doctor
Hospital
Pharmacist
Nurse
Dentist
First Aid
Surgeon
Emergency

NGUỒN NHÂN LỰC

Để đáp ứng nhu cầu công việc, Công ty đã tuyển dụng công nhân viên với nhiều cấp bậc trình độ khác nhau.

Bảng cơ cấu công nhân viên năm 2022

Tiêu chí	Số lượng 2022 (người)	Tỷ trọng 2022 (%)
Trình độ Đại học và trên Đại học	223	26,93%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	530	64,01%
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	34	4,11%
Lao động phổ thông	41	4,95%
Tổng	828	100%

Công tác quản lý lao động:

Công ty quản lý giờ làm việc; công việc chủ yếu sử dụng theo khoán việc và khoán sản phẩm để đánh giá kết quả lao động.

Chính sách lao động:

Trong năm, Công ty đã thực hiện một số chương trình đào tạo nghiệp vụ, đào tạo phòng cháy chữa cháy và đào tạo cho cán bộ quản lý,...

Công tác an toàn vệ sinh lao động được triển khai theo định kỳ hàng năm.

Mức lương:

Mức lương trung bình của cán bộ công nhân viên trong Công ty là 10.600.000đ/ người/ tháng.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	2022	2021	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	577.136.837.346	562.359.655.618	2,6%
2	Doanh thu thuần	615.835.205.058	620.187.812.016	-0,7%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36.507.549.362	34.441.736.250	6%
4	Lợi nhuận khác	1.717.879.103	2.731.222.270	-27,1%
5	Lợi nhuận trước thuế	37.765.684.122	37.172.958.520	1,6%
6	Lợi nhuận sau thuế	30.008.055.100	29.622.074.815	1,3%
7	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	2.255	2.733	-17,5%

STT	Chỉ tiêu	2022	2021	% tăng, giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,47	1,24	18,55%
	Hệ số thanh toán nhanh	0,85	0,76	10,39%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	0,32	0,34	-5,88%
	Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	0,46	0,52	-11,53%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (G.Vốn/Tồn kho BQ)	4,37	5,35	-18,32%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,06	1,10	-3,64%
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,86%	4,77%	1,89%
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	7,60%	7,98%	-4,76%
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	5,20%	5,27%	-1,33%
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	5,93%	5,55%	6,85%

Khả năng thanh toán:

Trong năm 2022, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn với 1,47 lần, Tăng so với năm 2021 là 0,23 lần, tương đương 18,55%.

Hệ số thanh toán nhanh của công ty năm 2022 là 0,85 lần, tăng so với năm 2021 là 0,09 lần, tương đương 10,39%.

Kết luận : Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều tăng , chứng tỏ công ty có đủ lượng tiền và các khoản tương đương tiền để thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Đây là chỉ số tính cho 1 thời điểm , nó đòi hỏi phải có 1 lượng tiền và tương đương tiền đủ lớn và nếu duy trì thường xuyên tiền mặt, tiền gửi sẽ dẫn đến lãng phí vốn bởi vậy công ty phải biết luân chuyển hay sử dụng sao cho hợp lý hiệu quả, an toàn các khoản tiền tệ hiện có tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Về cơ cấu vốn:

Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn giảm 5,88% , do tổng nguồn vốn trong năm 2022 của Công ty tăng ít hơn so với tốc giảm của Nợ phải trả . Cụ thể, tổng nguồn vốn 2,63% còn nợ phải trả giảm tới 4,63% so với năm 2021.

Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu cũng giảm đáng kể : 11,53% , do nợ phải trả chỉ giảm 4,63% trong khi đó vốn chủ sở hữu tăng 6,36 % so với năm 2021.

Kết luận : 2 Chỉ tiêu cơ cấu vốn đều giảm so với năm 2021 cho thấy công ty quản lý tốt và hiệu quả nợ phải trả , khả năng tài chính của doanh nghiệp là ổn định, tự chủ được vốn trong sản xuất kinh doanh và đầu tư cho tái sản xuất.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho trong năm 2022 giảm 0,98 vòng so với năm 2021 , tương đương tỷ lệ giảm là 18,32% , Nguyên nhân chính do tốc độ hàng tồn kho bình quân tăng 17,78% so với 2021, trong khi đó tổng giá vốn hàng bán năm 2022 lại giảm 2,08% so với năm 2021. Tồn kho BQ tăng là do công ty đã chủ động mua NLP có nguồn gốc từ nước ngoài dự trữ để ổn định sản xuất cho năm 2023, nhằm tránh thiếu cục bộ NPL do ảnh hưởng bởi chiến tranh, dịch bệnh hay biến động tăng giá cả như những năm 2021 và 2022.

Chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản giảm 3,64% , do doanh thu thuần năm 2022 giảm với tốc độ là 0,7%, trong khi đó tổng tài sản lại tăng 2,63% so với năm trước.

Doanh thu thuần giảm với các lý do :

- ✓ Quý I/2022 là đỉnh điểm bùng phát của đợt dịch lần thứ 4 ở phía bắc trong đó có Hải Dương. Công ty có đến hơn 200 người lao động bị dịch Covid-19 phải nghỉ cách ly theo quy định, có Phân xưởng không đủ lao động cho dây chuyền sản xuất mà phải làm cầm chừng
- ✓ Nhóm hàng OTC thì quý 1/2022 cũng ảnh hưởng bởi giãn cách xã hội để phòng chống dịch, việc vận chuyển , tổ chức bán hàng cũng bị hạn chế .

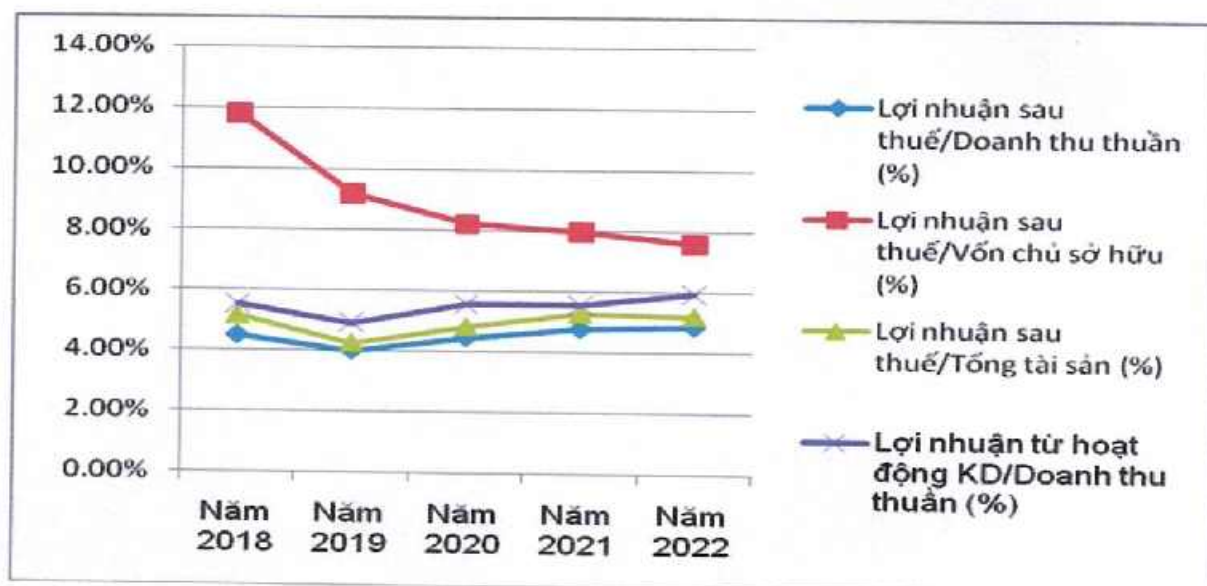
- ✓ Nhóm hàng ETC trong tình năm 2022 doanh số thấp hơn so với năm 2021 do: trúng thầu năm 2022 thấp hơn năm 2021 và cũng bị ảnh hưởng của dịch bệnh việc khám chữa bệnh bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm cũng bị hạn chế ,có 1 số sản phẩm trúng thầu là sản phẩm nhập khẩu của các nước châu Âu do chiến tranh nên không nhập về được ,nhiều sản phẩm trong nước do giá nguyên liệu tăng cao nên giá thành cao hơn giá trúng thầu nên nhà cung cấp chỉ cung ứng với lượng tối thiểu .
- ✓ Nhóm khách hàng đặt sản xuất tại công ty để kinh doanh cũng gặp khó khăn bởi thị trường do cạnh tranh và ảnh hưởng của suy giảm kinh tế nên lực cầu giảm.



Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,85	1,85	1,48	1,24	1,47
Nợ phải trả /Vốn chủ sở hữu	1,30	1,30	0,70	0,52	0,46
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,15	1,15	1,08	1,10	1,06

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,49%	4,00%	4,46%	4,77%	4,86%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	11,81%	9,19%	8,2%	7,98%	7,60%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	5,15%	4,25%	4,82%	5,27%	5,20%
Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần (%)	5,51%	4,92%	5,56%	5,55%	5,93%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu:

Số lượng cổ phần:	14.999.785 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 Đồng
Số lượng cổ phiếu ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông:	14.999.785 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành:	14.999.785 cổ phiếu
Số cổ phần chuyển nhượng tự do:	14.999.785 cổ phiếu
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông năm 2022

Bảng cơ cấu Cổ đông theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước		
	- Tổ Chức	0	-
	- Cá nhân	386	99,93%
2	Cổ đông nước ngoài		
	- Tổ chức	2	0,02%
	- Cá nhân	3	0,05%
% Tổng cộng			100%

Bảng cơ cấu Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	0	-
2	Cổ đông sáng lập	709.078	4,73%
3	Cổ đông lớn	8.554.555	57,03%
	Trong nước	8.554.555	57,03%
	Nước ngoài	0	0
4	Cổ đông khác		
	Trong nước	5.725.678	38,17%
	Nước ngoài	10.474	0,07%
	TỔNG CỘNG		100%

Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
Nguyễn Trung Việt	001069002861	Khu đô thị Ciputra, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	6.096.450	40,64%
Trần Mai Lan	001171004106	1506 P2 KĐT Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	2.458.105	16,39%





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2020	2021/ 2020
Doanh thu thuần	Đồng	615.835.205.058	620.187.812.016	99,3%
Giá vốn hàng bán	Đồng	442.906.586.466	452.354.625.777	97,9%
Lợi nhuận gộp	Đồng	172.928.618.592	167.833.186.239	103,0%
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	197.360.639	133.943.814	147,3%
Chi phí hoạt động tài chính	Đồng	6.473.171.683	7.931.262.279	81,6%
Chi phí bán hàng	Đồng	61.042.684.185	59.199.407.339	103,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	69.102.574.001	66.394.724.185	104,1%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	36.507.549.362	34.441.736.250	106,0%
Lợi nhuận khác	Đồng	1.717.879.103	2.731.222.270	62,9%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	37.765.684.122	37.172.958.520	101,6%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	30.008.055.100	29.622.074.815	101,3%

Đánh giá chung:

Năm 2022 tiếp tục là một năm hết sức khó khăn đối với Công ty Dược Vật tư Y tế Hải Dương nói riêng và toàn ngành Dược Việt Nam nói chung, do ảnh hưởng của dịch Covid – 19 đến kinh tế toàn cầu: Sản xuất, lưu thông bị ngưng trệ, chiến tranh giữa Nga và Ucraina, xung đột kinh tế giữa Nga và Liên minh EU và Mỹ ... lạm phát, giá cả tăng, kinh tế suy thoái kéo dài.

Công tác sản xuất

Chỉ tiêu sản xuất trong năm 2022: Giá trị sản lượng sản xuất : 320.533.595.000đ; đạt 84,35% so với kế hoạch 380 tỷ ; tăng : 13,47% so với năm 2021, tương đương số tiền : 38.053.935.000đ.

Doanh thu và lợi nhuận

- Doanh thu thuần 2022 giảm 0,7% so với 2021 và giảm 21,8% so với kế hoạch 790 tỷ. Nguyên nhân chính là do:
 - ✓ Do ảnh hưởng của chủ trương phong tỏa, giãn cách xã hội để phòng chống đại dịch COVID – 19 bùng phát lần thứ 4 trên toàn quốc đã làm chuỗi cung ứng nguyên liệu bị đứt gãy, vận chuyển bán hàng thì ngưng trệ, khó khăn giữa các vùng, miền dẫn đến doanh số bán hàng bị suy giảm.
 - ✓ Quý I/2022 là đỉnh điểm bùng phát của đợt dịch lần thứ 4 ở phía bắc trong đó có Hải Dương. Công ty có đến hơn 200 người lao động bị dịch Covid-19 phải nghỉ cách ly theo quy định, có Phân xưởng không đủ lao động cho dây chuyền sản xuất mà phải làm cầm chừng.
 - ✓ Hệ thống phân phối theo chiến lược kinh doanh mới toàn quốc đã triển khai được 5 năm, song do sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong Ngành dược dẫn đến doanh số của

nhóm hàng kinh doanh thương mại ủy quyền đầu qua HDPHARMA và nhóm hàng gia công cho khách hàng gia công bị giảm đáng kể.

- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 37.765.684.122 đồng, tăng 1,6% so với năm 2021, tương đương số tiền : 592.725.602đ.

-Lợi nhuận sau thuế TNDN: 30.008.055.100 đồng, tăng 1,3% so với năm 2021, tương đương số tiền : 385.980.285đ. So với kế hoạch 29,5 tỷ mà Đại hội cổ đông 2022 đã thông qua thì tăng 1,72% , tương đương số tiền : 208.055.100đ

Thị trường

Năm 2022 là năm các doanh nghiệp trong , ngoài ngành dược bị ảnh hưởng rất nhiều bởi dịch bệnh Covid – 19 trên diện rộng , môi trường và hình thức kinh doanh có nhiều thay đổi dẫn đến thị phần có nhiều thay đổi. Thị phần lớn và cốt yếu của Công ty là thị trường Miền Trung Tây Nguyên và phía Nam, còn trên thị trường sân nhà là thị trường Hải Dương, HDPHARMA mới chi mạnh ở mảng bán ETC. Do môi trường cạnh tranh hết sức khốc liệt, hệ thống vận chuyển bị ách tắc trong thời gian dịch bệnh Covid-19 ... thị phần OTC hàng sản xuất ở các khu vực tiềm năng này của Công ty tăng trưởng rất chậm chưa được dự tính.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2022	2021	% 2022/2021
Tài sản ngắn hạn	264.049.750.095	234.039.057.867	112,8%
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.364.911.883	18.834.364.200	209,0%
Các khoản phải thu ngắn hạn	112.337.473.798	122.412.186.886	91,8%
Hàng tồn kho	111.162.799.917	91.173.186.341	121,9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.184.564.497	1.619.320.440	73,2%
Tài sản dài hạn	313.087.087.251	328.320.597.751	95,4%
Tài sản cố định	296.745.834.976	314.335.656.519	94,4%
Tài sản dở dang dài hạn	8.392.694.175	2.264.358.370	370,6%
Tài sản dài hạn khác	7.948.558.100	11.720.582.862	67,8%
Tổng tài sản	577.136.837.346	562.359.655.618	102,6%
Nợ phải trả	182.210.134.750	191.058.897.022	95,4%
Nợ ngắn hạn	179.878.902.299	188.101.809.169	95,6%
Nợ dài hạn	2.331.232.451	2.957.087.853	78,8%
Vốn chủ sở hữu	394.926.702.596	371.300.758.596	106,4%
Tổng nguồn vốn	577.136.837.346	562.359.655.618	102,6%

Tài sản

Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty có thay đổi trong năm 2022 .

Tài sản ngắn hạn:

Tổng tài sản ngắn hạn năm 2022 tăng 12,8% so với năm 2021, nguyên nhân chính là do tiền và các khoản tương đương tiền tăng 9% , hàng tồn kho tăng 21,9%, mặc dù công nợ phải thu giảm tới 8,2% .

Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn năm 2022 giảm 4,6% so với năm 2021. Nguyên nhân chính là do tổng khấu hao cả năm cao hơn giá trị tài sản MM-TB đầu tư , cụ thể khấu hao là : 22.814.952.465 đồng, trong khi đó đầu tư bổ sung thêm MM- TB sản xuất năm 2022 chỉ là : 9.243.763.590 đồng .

Nợ phải trả

Trong 2022, cơ cấu nợ đã thay đổi và giảm 4,6% chủ yếu là do ngắn hạn chiếm tỷ trọng 98,7% mà lại giảm 4,4% đồng thời Nợ dài hạn chiếm tỷ trọng 1,3% cũng giảm 21,2% so với 2021.

Năm 2022 Công ty đã giảm nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng đồng thời quản trị tốt vốn trong thanh toán (*nợ ngắn hạn*) .

Vốn chủ sở hữu

Trong năm 2022 Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng lên 6,4%, chủ yếu do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối từ kết quả SX - Kinh doanh năm 2022.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2022, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của công ty

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

Năm 2022 công ty đã khai thác triệt để hơn phần mềm quản trị tổng thể doanh nghiệp - ERP vào khâu lập kế hoạch sản xuất, quản trị bán hàng và quản trị tài chính - kế toán quản lý nhân sự và tiền lương, từ đó góp phần làm cho công tác tài chính , hệ thống các qui trình , qui chuẩn công việc, qui chế quản lý tài chính toàn công ty được kiện toàn hơn;

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.



Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Thông tư 96/2020/TT-BTC về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 16/11/2020. Công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản



xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Tổng công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty,

hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2022 cạnh tranh trong thị trường Dược phẩm trong nước sẽ càng khốc liệt hơn, ảnh hưởng đến SX, phân phối. Tuy đại dịch Covid – 19 đã lắng xuống song chiến tranh giữa Nga và Ucraina, bất đồng kinh tế giữa Nga với Liên minh EU và Mỹ đã làm nền kinh tế toàn cầu lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, lạm phát giá cả tăng cao... đây là thách thức lớn cho công ty, Ban giám đốc Công ty sẽ đánh giá đúng về năng lực của hệ thống kinh doanh, đánh giá đúng các đối thủ cạnh tranh; có những định hướng cụ thể và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thị trường:

Thay đổi chính sách khách hàng phù hợp

Không ngừng hoàn thiện chính sách phục vụ sản xuất kinh doanh

Các phòng ban chức năng, Phòng khách hàng gia công, Khối kinh doanh, đặc biệt bộ phận dịch vụ khách hàng, tiếp nhận thông tin nhanh nhạy, đáp ứng kịp thời thỏa mãn khách hàng.

Đặc biệt tập trung hoàn thiện các Chính sách trong công tác nghiên cứu thực nghiệm; Định mức lao động năng suất định mức lương cho từng sản phẩm.

Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP, ISO9001 : 2015 hiện hành.

Kiên trì xây dựng và thực hiện chính sách tổng chất lượng để tạo niềm tin cho khách hàng.

Tập trung nghiên cứu, phát triển một số mặt hàng chiến lược, có giá trị cao tạo ra những sản phẩm thương hiệu cho HD PHARMA.

Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.

CBCNV thực hiện công việc theo đúng quy trình quy chuẩn công việc, qui chuẩn văn hóa doanh nghiệp đã ban hành.

Đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất thuốc viên, cốm sủi không chứa kháng sinh nhóm Betalacatam đã đạt chuẩn EU-GMP.

Thực hiện tốt công tác thẩm định GMP cho các dây chuyền sản xuất thuốc hiện có đạt chuẩn GMP – WHO và thực phẩm bảo vệ sức khỏe khi đến hạn.

Chính sách kinh doanh:

Không ngừng hoàn thiện và thực hiện tốt mục tiêu “lấy khách hàng là trung tâm”.

Hệ thống kinh doanh là những bộ phận đại diện cho Công ty tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, là cầu nối để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Theo xu hướng thị trường

cạnh tranh hiện nay, Khối Kinh doanh nhận định toàn bộ hệ thống phải liên tục hoàn thiện để đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Do đó cần liên tục hoàn thiện các chính sách để hướng tới phục vụ khách hàng tốt nhất, đem tới cho khách hàng tổng chất lượng tốt nhất từ sản phẩm đến các dịch vụ cung ứng hàng hóa.

Năm 2023 Khối Kinh doanh hoàn thiện các chính sách cụ thể:

- ✓ Chính sách lương thưởng, năng suất: tạo thu nhập ổn định và động lực cho nhân sự kinh doanh thực hiện doanh số bán hàng
- ✓ Chính sách khoán kinh doanh phù hợp để các bộ phận thực hiện.
- ✓ Chính sách bán hàng, marketing phù hợp với sản phẩm và thị trường.
- ✓ Hoàn thiện hệ thống phân phối toàn quốc lấy : CN Hà Nội, Chi Nhánh Miền Trung tại Đà Nẵng , Chi nhánh HCM và CN tại Cần Thơ, làm trung tâm, lòng cốt cho hệ thống phân phối mới.

Công tác Kinh doanh

Phần đầu doanh số bán ra đạt chỉ tiêu: 790 tỷ đã đề ra cho năm 2023.

Chuyên nghiệp hóa công tác của Tổ thầu. mục đích đưa hàng Hải Dương sản xuất ra phạm vi ngoài tỉnh bằng cả hai hình thức dự thầu tự làm thầu và liên doanh với Công ty bạn.

Hoàn thiện hệ thống bán hàng OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước.

Đầu tư cho hệ thống bán hàng tại các tỉnh, có chính sách bán hàng tốt nhất để các Nhà phân phối , đại lý và các cộng tác viên gắn bó với hàng Hải Dương.

Công tác hoàn thiện hệ thống bán hàng sản xuất

Hệ thống OTC:

- ✓ Xây dựng và kiện toàn lại toàn bộ hệ thống nhân sự từ QLV đến TDV toàn quốc theo đúng chiến lược kinh doanh đã duyệt.
- ✓ Lựa chọn nhà phân phối ,giám sát trình dược viên và nhà phân phối để đạt được mục tiêu phù hợp tốt ,quản lý nhân viên và hàng hóa công nợ chặt chẽ hiệu quả.
- ✓ Xây dựng mở rộng thêm hệ thống bán hàng, tăng độ bao phủ thị trường để tăng thị phần gia tăng doanh số bán hàng.
- ✓ Nâng cao Doanh số bán hàng Trung bình của TDV/ tháng theo chỉ tiêu
- ✓ Thúc đẩy tích cực việc triển khai sản phẩm mới để đưa sản phẩm vào thị trường một cách nhanh nhất và có hiệu quả.
- ✓ Gia tăng số lượng sản phẩm hiện diện trên các điểm bán, tăng doanh số bán hàng đối với các sản phẩm đã triển khai thành công tại điểm bán.

- ✓ Tận dụng và phát huy tối đa các công cụ đã được trang bị, các chính sách trong bán hàng nhằm quản lý tốt hơn và góp phần gia tăng doanh số bán hàng.
- ✓ Có những giải pháp phù hợp để : Đưa hàng vào hệ thống siêu thị, hệ thống chuỗi nhà thuốc bán lẻ toàn quốc và các kênh bán hàng ONLINE, bán hàng qua các kênh thương mại điện tử

Hệ thống ETC:

- ✓ Tuyển dụng nhân sự có chất lượng, có thái độ nghiêm túc và mong muốn được làm việc, gắn bó với Doanh nghiệp.
- ✓ Giữ vững ổn định về mặt nhân sự, phát triển địa bàn sâu và xây dựng mối quan hệ tốt với các bệnh viện, các sở ban ngành. Kiện toàn một số tỉnh như Vĩnh Phúc, thái nguyên ,Phú Thọ, Sơn la, Tuyên Quang, Hà Giang, Điện Biên, Hòa Bình và các tỉnh ở miền Nam ,miền trung mà công ty chưa làm thấu.
- ✓ Lập kế hoạch xây dựng danh mục, số lượng dự thầu cụ thể đối với từng sản phẩm tại từng địa bàn có kế hoạch tổ chức đấu thầu trong năm 2023, đảm bảo tỷ lệ tăng trưởng về sản lượng và giá trị trúng thầu so với cùng kỳ năm trước. Trên cơ sở đó đề xuất giá chào thầu, theo dõi kết quả trúng thầu, xây dựng chính sách thầu (nếu có) và chỉ đạo, triển khai và bám sát bán hàng theo kết quả trúng thầu
- ✓ Tích cực triển khai và phát huy hiệu quả của công tác bán áp thầu cho các phòng khám có khám chữa bệnh bảo hiểm trên phạm vi toàn quốc.

Triển khai giới thiệu và bán các mặt hàng mới mà Hội đồng triển khai sản phẩm mới đã đăng kí và triển khai đưa ra thị trường những mặt hàng thay đổi lại mẫu mã, chất lượng.

Các chi nhánh phối hợp cùng phòng kinh doanh, phòng marketing xây dựng các chương trình khuyến mại sản phẩm phù hợp với thị hiếu của khách hàng.

Khối kinh doanh và phòng marketing triển khai các hội thảo ,hội nghị khách hàng tại các tỉnh.

Khối kinh doanh phối hợp cùng các phòng ban (Marketing, Đảm bảo chất lượng,...) để đào tạo nhân sự QLV, TDV trong năm 2023, mô hình làm theo nhóm, theo vùng.

Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng sản xuất năm 2023 là :396 tỷ với chất lượng sản phẩm ổn định, liên tục hoàn thiện cung cấp hàng kịp thời cho khách hàng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT BOAT
ĐỘNG CỦA CÔNG TY
CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022 vẫn là một năm khó khăn không chỉ riêng Công ty mà còn chung cho cả ngành Dược Việt Nam. Thị trường cạnh tranh khốc liệt với sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài, bão hòa của thực phẩm chức năng, sự quản lý gắt gao nâng chuẩn của các cơ quan quản lý, sự tăng giá chóng mặt của nguyên vật liệu ngành Dược và đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 bùng phát đến hầu hết các tỉnh thành trong cả nước, đời sống sinh hoạt đảo lộn, các chuỗi cung ứng liên kết kinh tế bị đứt gãy, sản xuất kinh doanh bị đình trệ và suy thoái. Chúng ta đã vượt qua những khó khăn năm 2022 tuy có giảm sút một chút về doanh thu so với năm trước, song kết quả SX – KD chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế TNDN vẫn có sự tăng trưởng và sử dụng hợp lý các nguồn lực hiện có, Việc làm và thu nhập của hơn 800 CBCNV vẫn được duy trì và ổn định.

Doanh thu thuần và lợi nhuận

- Doanh thu thuần 2022 giảm 0,7% so với 2021 và giảm 21,8% so với kế hoạch 790 tỷ.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 30.008.055.100 đồng, tăng 1,3% so với năm 2021, tương đương số tiền: 385.980.285đ. So với kế hoạch 29,5 tỷ mà Đại hội cổ đông 2022 đã thông qua thì tăng 1,72%, tương đương số tiền: 208.055.100đ

Tình hình sản xuất:

Chỉ tiêu sản xuất trong năm 2022: Giá trị sản lượng sản xuất: 320.533.595.000đ; đạt 84,35% so với kế hoạch 380 tỷ; tăng: 13,47% so với năm 2021, tương đương số tiền: 38.053.935.000đ.

Công tác Dự án:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai dự án xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc viên, cốm, sùi không chứa kháng sinh Betalactam đạt tiêu chuẩn GMP- WHO và EU- GMP tại nhà máy Cẩm Thượng với mức đầu tư là 300 tỷ đồng theo nghị quyết Đại hội cổ đông. Đến tháng 6/2022 chúng ta đã có chứng chỉ EU – GMP dây chuyền SX đã đầu tư và đủ điều kiện đưa dây chuyền vào hoạt động kết thúc đầu tư giai đoạn 1 của dự án.

Hoàn thành quyết toán đưa vào sử dụng công trình trụ sở Nhà văn phòng và bán hàng chi nhánh Cần Thơ.

BẢN CHỈ DẪN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

2017-2018

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã tập trung vào các hoạt động chính sau đây:

1. Chiến lược kinh doanh: Hội đồng Quản trị đã phê duyệt chiến lược kinh doanh của Công ty cho năm 2017, tập trung vào việc mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả hoạt động.

2. Quản lý tài chính: Hội đồng Quản trị đã giám sát chặt chẽ tình hình tài chính của Công ty, đảm bảo an toàn và bền vững tài chính.

3. Nhân sự và Đào tạo: Hội đồng Quản trị đã chú trọng vào việc thu hút và đào tạo nhân tài, nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên.

4. Công nghệ và Đổi mới: Hội đồng Quản trị đã khuyến khích nghiên cứu và phát triển công nghệ mới, đổi mới sản phẩm để đáp ứng nhu cầu thị trường.

5. Quan hệ khách hàng: Hội đồng Quản trị đã yêu cầu các phòng ban liên quan phải luôn chú trọng vào chất lượng dịch vụ khách hàng, xây dựng lòng tin và sự hài lòng của khách hàng.

6. Bảo vệ môi trường và Xã hội: Hội đồng Quản trị đã yêu cầu Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và xã hội, đóng góp tích cực vào cộng đồng.

Hoạt động chính của Hội đồng

Hội đồng Quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban Giám đốc và các phòng ban.

- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh, tài chính và nhân sự của Công ty.

- Giám sát tình hình tài chính, quản lý rủi ro và bảo vệ tài sản của Công ty.

- Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các phòng ban chức năng.

- Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các chi nhánh và đơn vị trực thuộc.

- Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các dự án đầu tư.

- Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các hoạt động xã hội và môi trường.

Tình hình sản xuất

Trong năm 2017, sản xuất của Công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tổng sản lượng sản phẩm đạt 1.200.000 đơn vị, tăng 10% so với năm 2016. Chất lượng sản phẩm được duy trì ổn định, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Chi phí và Lợi nhuận

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện các biện pháp để giảm chi phí và tăng lợi nhuận. Chi phí sản xuất đã được kiểm soát chặt chẽ, giảm 5% so với năm 2016. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.500.000 đơn vị, tăng 15% so với năm 2016.

Hội đồng Quản trị sẽ tiếp tục giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm 2018, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.





Máy đóng túi tiêu chuẩn EU



CÁC KẾ HOẠCH - ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP hiện hành.

Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.

Hoàn thiện hệ thống bán hàng OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước.

Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch giá trị sản lượng sản xuất năm 2023 là: **396 tỷ** với chất lượng sản phẩm ổn định, liên tục hoàn thiện cung cấp hàng kịp thời cho khách hàng.

Kế hoạch doanh số kinh doanh năm 2023 là : **790 tỷ**.

Tìm đơn vị tư vấn để lập phương án, kế hoạch sử dụng cho từng mảnh đất hiện có của công ty, tạo nhóm để các thành viên HĐQT, BKS cùng tham gia nhằm tìm ra phương án sử dụng hiệu quả nhất cho từng thửa đất trong thời gian tới.

Lập dự án xin đất để “Xây dựng vùng nuôi trồng, chế biến dược liệu được kiểm soát theo tiêu chuẩn GACP” tại TP Chí Linh - Hải Dương.

Xây dựng dự án mở rộng qui mô nhà máy phù hợp với chuẩn quốc tế và tầm nhìn chiến lược của Ngành Dược Việt nam cho giai đoạn tiếp theo đến năm 2030, tại Hải Dương với diện tích khoảng từ 5 – 10ha.

Lập dự toán, Kế hoạch chi tiết để xây dựng giai đoạn 2 nhà máy HDPHARMA EU tại Khu đất thuộc Phường Cẩm Thượng : “Xây dựng 2 dây chuyền tân dược gồm Tiêm và Viên Betalactam nhóm kháng sinh Cephalosporin đạt tiêu chuẩn EU- GMP”.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo đối với Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao

một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD công ty thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng của các Tiểu ban thuộc HĐQT và báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD về tiến độ thực hiện, định hướng triển khai, những khó khăn, vướng mắc... tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng và đột xuất của HĐQT. Qua đó nắm bắt tình hình của công

ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu quả nhất có thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong hoạt động điều hành, Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất; được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành công ty, tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; các định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022. Các chỉ tiêu : nộp thuế, việc làm và thu nhập của người lao động, quyền lợi của cổ đông, đầu tư phát triển sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghĩa vụ xã hội... đều được báo cáo đầy đủ và phản ánh đúng tình hình thực tế của Công ty. Năm 2022 hệ thống phân phối vẫn chưa hoàn thiện , sự ảnh hưởng của sự cạnh tranh khốc liệt về thị phần trong ngành dược, sự giảm sút doanh số của nhóm hàng kinh doanh thương mại, ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 đến sản xuất – kinh doanh đã làm cho năm 2022 các chỉ tiêu cơ bản : giá trị sản xuất, doanh số bán ra không hoàn thành Kế hoạch đại hội đề ra. Trong năm 2022 với tình hình kinh tế khó

khăn, đại dịch bùng phát khắp nơi, nhưng ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực hết mình để thực hiện các chiến lược đề ra, chấp hành tốt các nghị quyết của hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chấp hành tốt các chính sách pháp luật Nhà nước, thích ứng an toàn trong điều kiện vừa sản xuất - kinh doanh vừa chống dịch Covid – 19 , phát huy tối đa năng lực của công ty và kết quả là công ty vẫn duy trì ổn định công việc và thu nhập cho người lao động ,lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch 1,72% và tăng trưởng 1,3% so với năm 2021 . Giá trị sản lượng SX tăng 13,47% so với năm 2021



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT
CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LƯƠNG,
THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH GIAO DỊCH CỔ PHIẾU
CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội Đồng Quản Trị

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	6.096.450 CP
Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT/TGĐ	601.200 CP
Trần Phúc Dương	Thành viên HĐQT	609.187 CP

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Tên các tiểu ban	Nhiệm vụ	Đánh giá hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
Hội đồng Khen thưởng Kỷ luật	- Hội đồng tham gia xem xét phân tích trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định những hình thức khen thưởng, Tổng Giám đốc quyết định những hình thức kỷ luật đối với lao động.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng khoa học kỹ thuật	- Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho HĐQT về những lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và chiến lược phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Xét và công nhận những đề tài nghiên cứu, những sáng kiến cải tiến.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng kiểm kê	- Hội đồng xác định giá trị hàng hoá tài sản trên thực tế đến kỳ báo cáo hoặc số lượng tài sản, hàng hoá đến một thời điểm xác định lại giá trị.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng thanh lý	- Hội đồng giúp HĐQT xác định những tài sản, hàng hoá không còn giá trị sử dụng được đánh giá lại hoặc huỷ bỏ	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng An toàn lao động	- Tham gia, tư vấn với Tổng giám đốc và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch bảo hộ lao động và các biện pháp an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, các nhiệm vụ của Công ty theo pháp luật quy định.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
Hội đồng nghiệm thu	- Tư vấn cho Hội đồng quản trị, kiểm tra, xác nhận thực tế về chất lượng, số lượng tài sản cố định, máy móc thiết bị, công trình sửa chữa, xây dựng cơ bản hoàn thành theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp thường kỳ 7 lần, để trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định các công việc định kỳ và các công việc phát sinh theo thẩm quyền như: phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; phê duyệt các dự án đầu tư; báo cáo tài chính hàng quý, năm; kiện toàn cơ cấu nhân sự. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi dự họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	7	100%	
3	Trần Phúc Dương	Thành viên HĐQT	7	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	7	100%	

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2022:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	50/ NQ/HĐQT	21/01/2022	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua số liệu báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh năm 2021- Thành lập Tiểu ban tổ chức đại hội cổ đông và chuẩn bị các văn kiện, thủ tục pháp lý theo Luật và Điều lệ để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 nhiệm kỳ V (2019-2024) dự kiến vào ngày 28 tháng 4 năm 2022.- Thông qua dự kiến kế hoạch SX-KD năm 2022 để trình Đại Hội Cổ Đông năm 2022 thông qua.- Hoàn thiện dự án xin đất để “Xây dựng vùng nuôi trồng, chế biến dược liệu được kiểm soát theo tiêu chuẩn GACP” tại TP Chí Linh - Hải Dương, Tổng diện tích dự kiến 70ha.- Lập dự án xin đất mở rộng SX tại Việt Hòa - TPHD với diện tích dự kiến 5ha.- Lập kế hoạch, thiết mặt bằng công nghệ, MM-TB sản xuất dự toán xây dựng giai đoạn 2 Nhà máy tại Cẩm Thượng trong năm 2022. Triển khai xây dựng trong năm 2023 và chuyển toàn bộ sản xuất tại 102 Chi Lăng ra Nhà máy mới chậm nhất vào năm 2025.	3/3

2	51/BB-NQ/HĐQT	22/02/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua số liệu báo cáo tài chính đã kiểm toán. - Thông qua các văn kiện, báo cáo trình đại hội và công tác tổ chức đại hội cổ đông năm 2022 - Giải thể chi nhánh Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương tại Thành phố Chí Linh, Chuyển giao nhân sự avf địa bàn kinh doanh về Chi nhánh Hải Dương 1, kể từ 01/4/2022. - Thông qua Kế hoạch vay vốn lưu động 2022 – 2023 tại NH MB. - Kiện toàn nhân sự quản lý phân phân xưởng Kem mỡ nước . - Điều chỉnh tăng lương cho Khối SX và Khối văn phòng công ty kể từ 01/3/2022 	3/3
3	55+56/NQ/HĐQT	06/05/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kế hoạch vay vốn lưu động 2022 – 2023 tại NH BIDV 	3/3
4	57+58 /BB-NQ/HĐQT	05/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng vốn điều lệ từ 119.998.880.000đ lên 149.970.850.000đ, hình thức tăng vốn là phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông. - Sửa đổi Mục 1, Phụ lục 1 Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty - Thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ : 149.997.850.000đ - Đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung đối với : 2.999.897 Cổ phiếu đã phát hành để trả cổ tức thành công. 	3/3
5	59 /BB-NQ/HĐQT	26/8/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục đầu tư xây dựng nhà máy HDPHARMA giai đoạn 2 với tổng giá trị dự kiến 200-250 tỷ. Dây chuyền tân dược GMPEU viên , bột thuộc nhóm kháng sinh Cephalosprosin , thời gian từ 2023-2025 - Lên kế hoạch chi tiết để khai thác dây chuyền GMPEU đã được cấp phép trong thời gian sớm nhất . - Thông qua số liệu BCTC 6 tháng đầu năm 2022 - Tái cấp hạn mức vốn lưu động 40 tỷ tại NH TMCP quốc tế chi nhánh Hải Dương - Mở hạn mức tín dụng vốn lưu động 50 tỷ tại NH Hàng Hải Tại Hà Nội 	3/3
6	60 +61 /BB-NQ/HĐQT	28/10/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Tái cấp hạn mức vốn lưu động 50 tỷ tại NH TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Hải Dương 	3/3

7	62+63 /BB-NQ/HĐQT	06/12/2022	- Quyết định thành lập Chi Nhánh Cần Thơ – Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương.	3/3
---	-------------------	------------	--	-----

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty.

Năm 2022, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

Thành viên của HĐQT độc lập có ông Nguyễn Ông Trần Phúc Dương . Trong năm 2022 các thành viên này có tham gia cùng với thành viên khác của HĐQT giải quyết các vấn đề phải thông qua HĐQT.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Phạm Thị Thủy	Trưởng ban kiểm soát	37.500 CP
Trần Kim Cương	Thành viên ban kiểm soát	49.967 CP
Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên ban kiểm soát	7.087 CP

Hoạt động của Ban Kiểm Soát:

Ban kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Trong năm Ban kiểm soát đã phối hợp và làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động Công ty, góp phần đóng góp ý kiến để giải quyết các khó khăn phát sinh trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát đã theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2022 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty.

Ban kiểm soát nhận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tình hình nhiệm vụ, kế hoạch và các biện pháp thực hiện; đồng thời xem xét chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc điều hành.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về việc thực hiện nghị quyết của đại hội cổ đông năm 2022

Trong năm 2022 Ban Kiểm Soát không nhận được đơn thư khiếu nại nào của các cổ đông về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, về sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động của công ty, các văn bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật doanh nghiệp và Điều lệ.

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh : Năm 2022 chúng ta không hoàn thành chỉ tiêu “Giá trị sản lượng sản xuất” và “Doanh thu sản xuất- kinh doanh” .

- ✓ Tổng doanh thu: 617.509.928.191 đồng, đạt 78,2% so với kế hoạch 790 tỷ.
- ✓ Giá trị sản lượng sản xuất: 320.533.595.250 đồng; đạt 84,35% so với kế hoạch 380 tỷ.
Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt: 30.008.055.100 đồng; so với kế hoạch Đại hội cổ đông thông qua tăng 1,72% tương ứng với số tiền là: 508.055.100 đồng.
Chi trả cổ tức 30% theo vốn góp, tương đương với số tiền 35.999.841.000 đồng; Trong đó trả cổ tức bằng cổ phiếu là 25% với số tiền là: 29.999.897.000 đồng và bằng tiền mặt là 5% với số tiền là: 5.999.944.000 đồng.

Trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận.

Lựa chọn Chi nhánh công ty TNHH kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISC thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

Thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức với số lượng 2.999.897 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đ/1 cổ phiếu, đồng thời đã thực hiện đăng ký lưu ký cho số cổ phiếu trên, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông trong việc giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM.

Về việc triển khai và đưa dự án vào hoạt động:

- ✓ Việc thẩm định tiêu chuẩn EU – GMP cho dây chuyền sản xuất Thuốc viên, cốm, sủi không chứa kháng sinh Betalactam đã hoàn thành tháng 6/2022.
- ✓ Giấy chuyên EU-GMP có giấy chứng nhận và HDQT, Ban Giám đốc đã gấp rút triển khai đưa dây chuyền vào khai thác .

Công tác xây dựng Chi nhánh:

- ✓ Năm 2021 đã đầu tư mua đất nền với diện tích :198m² Tổng giá trị đất : 6 tỷ đồng .
Đã hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động nhà Văn phòng và bán hàng tại Thành Phố Cần Thơ tháng 12/2022 với tổng giá trị công trình XD : 5 tỷ theo đúng kế hoạch đề ra.

- ✓ Tháng 12/2022 đã ra QĐ thành lập Chi nhánh Công ty tại Cần Thơ và hoàn thiện các Điều kiện Kinh doanh cần thiết để tháng 3 năm 2023 chi nhánh đi vào hoạt động.

Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: năm 2022 Công ty đã chi trả thù lao đầy đủ cho các thành viên HĐQT và BKS theo qui định cũng như định mức đã được ĐHCĐ 2022 phê duyệt.

LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập năm 2022		
		Thù lao	Thu nhập	Tổng thu nhập
Hội đồng quản trị				
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	286.625.300	102.801.786	389.427.086
Nguyễn Thị Tú Anh	UV HĐQT	286.625.300	390.716.386	677.341.686
Trần Phúc Dương	UV HĐQT	286.625.300	0	286.625.300
Ban Kiểm Soát				
Phạm Thị Thủy	Trưởng BKS	95.541.800	130.744.308	226.286.108
Trần Kim Cương	TV. BKS	95.541.800	162.415.120	257.956.920
Nguyễn Thị Hương Lan	TV. BKS	95.541.800	212.389.657	307.931.457
Tổng cộng		1.146.501.300	999.067.257	2.145.568.557

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN (thay đổi do phát hành cổ phiếu trả cổ tức + mua thêm cổ phiếu)

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	4.877.160	40,56	6.096.450	40,64%
Bà Trần Mai Lan	Là vợ Chủ tịch HĐQT	1.966.484	16,39%	2.458.105	16,39%
Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT/TGĐ	480.960	4,01%	601.200	4,01%
Nguyễn Trung Nam	Em trai Tổng Giám đốc	180.600	1,51%	225.750	1,51%
Ông Vũ Văn Xuyên	Chồng Tổng Giám đốc	276.900	2,31%	346.125	2,31%
Ông Trần Phúc Dương	Giám đốc khu vực Miền Nam	487.350	4,06%	609.187	4,06%
Bà Phạm Thị Thủy	Trưởng BKS	30.000	0,25%	37.500	0,25%
Bà Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên BKS	5.670	0,05%	7.087	0,05%
Ông Trần Kim Cương	Thành viên BKS	39.974	0,33%	49.967	0,33%

Trần Văn Oanh	Bố Ông Trần Kim Cương - TVBKS	117.974	0,98%	147.467	0,98%
Phạm Thị Nhận	Mẹ đẻ Ông Trần Kim Cương	32.490	0,27%	40.612	0,27%
Chu Văn Long	Kế Toán Trưởng	43.214	0,36%	54.017	0,36%
Hồ Thị Ngọc Thanh	Vợ Ông Chu Văn Long	28.920	0,24%	36.150	0,24%

Hải Dương, ngày 27/12/2022

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2022



THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển Bền vững của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng và nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương, các chính sách liên quan đến môi trường xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo thường được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của tổ chức sang kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và hướng dẫn làm BCTN tại thông tư 96/2020/TT- BTC của bộ Tài chính. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của Công ty có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2022, bắt đầu từ ngày 01/01/2022 và kết thúc ngày 31/12/2022. Bắt đầu từ năm 2016, Công ty đã tiến hành lập Báo cáo phát triển Bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo Thường niên theo quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương, Các đơn vị thành viên trong lĩnh vực dược phẩm và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Tính đảm bảo của báo cáo

Công ty tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin, số liệu trong báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của Công ty được nêu ra trong báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISC.
- Một số chứng chỉ quan trọng trong lĩnh vực Dược phẩm.

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Địa chỉ: Số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0220.3853.848

Fax: 0220.3853.848

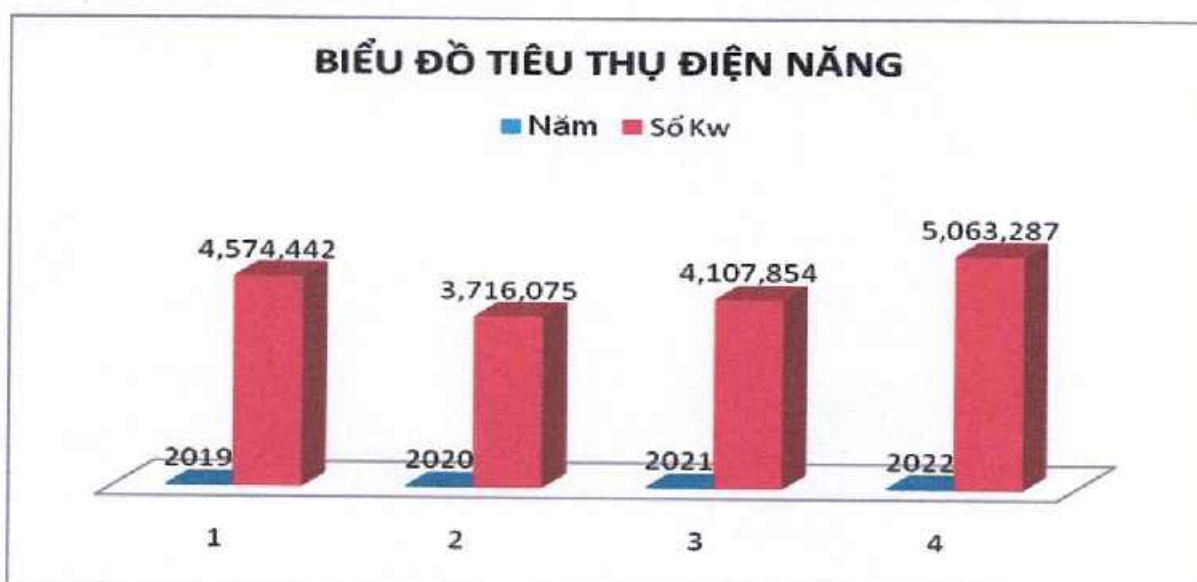
Email: info@hdpharma.vn

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty đang trên đà phát triển và mở rộng quy mô trong những năm gần đây dẫn đến việc mức tiêu thụ năng lượng tăng lên.

Hiện Công ty sử dụng điện cho Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương cung cấp. Sản lượng tiêu thụ qua các năm như bảng sau:

Năm	Số Kw
2019	4.574.442
2020	3.716.075
2021	4.107.854
2022	5.063.287



Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Công ty hiện tại đang áp dụng rất tốt chính sách tiết kiệm điện. Với mục tiêu quán triệt cho toàn thể CBNV Công ty tự ý thức tiết kiệm điện, thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc

Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên

Chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết

Cài đặt chế độ làm mát từ 25 độ C trở lên

Khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn nước của Công ty được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Nước sạch Hải Dương. Khối lượng nước tiêu thụ như bảng sau:

Sử dụng năm 2021		Sử dụng năm 2022	
Khối lượng (m ³)	Chi phí (đồng)	Khối lượng (m ³)	Chi phí (đồng)
64.799	986.564.775	73.551	1.066.634.500

Công ty vẫn luôn luôn chú trọng đến chính sách tiết kiệm nước và luôn luôn quán triệt cho toàn thể CBNV Công ty tự ý thức việc sử dụng tiết kiệm nước, thực hiện tiết kiệm tài nguyên nước tại cơ quan cũng như gia đình và ngoài xã hội.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	Số lượng 2022 (người)	Tỷ trọng 2022 (%)
I	Theo trình độ lao động		100%
11	Trình độ Đại học và trên Đại học	223	26,9%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	530	64,0%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	34	4,1%
4	Lao động phổ thông	41	5,0%
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động trực tiếp	683	82,5%
2	Lao động gián tiếp	145	17,5%
III	Theo giới tính		
1	Nam	350	42,3%
2	Nữ	478	57,7%
IV	Theo chức vụ		
1	Quản lý	79	9,5%
2	Văn phòng + Khối kinh doanh	515	62,2%
3	Công nhân	234	28,3%



Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho CBCNV, tuân thủ quy định của pháp luật về người lao động. Hơn thế nữa, Công ty là doanh nghiệp có trụ sở chính tại Tỉnh Hải Dương không phải tại Thành phố lớn hay TP trực thuộc trung ương nên công tác tuyển dụng có gặp những khó khăn nhất định. Chính vì thế, Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối với những lao động có kinh nghiệm và thâm niên lâu dài tại Công ty.

Người lao động làm việc tại Công ty được tham gia BHXH-BHYT-BHTN theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra, Công ty còn thưởng thêm ngoài tiền lương cho người lao động vào các ngày Lễ, Tết; tặng tiền/ quà nhân ngày sinh nhật, hỗ trợ tiền điện thoại cho Cán bộ quản lý và cán bộ một số đơn vị; có chính sách hỗ trợ thêm đối với lao động nữ sinh con và nuôi con nhỏ (hỗ trợ tiền khi sinh con, giảm thời gian làm việc,...), khám sức khỏe định kỳ cho người lao động,...



Vào các dịp Lễ, công ty phối hợp với các đoàn thể khác tổ chức giải thể thao, văn hóa văn nghệ, tổ chức tham quan du lịch cho CBCNV; gặp mặt, khen thưởng cho con em CBCNV có thành tích học tập tốt, tặng quà nhân ngày Tết Thiếu nhi, Trung thu, gặp mặt,

giúp đỡ, động viên những CBCNV có hoàn cảnh khó khăn,...\





Công tác đảm bảo an toàn

Thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động của Công ty, Hội đồng xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động cho từng năm, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn. Mạng lưới an toàn vệ sinh được xây dựng đến từng tổ sản xuất, tham gia các lớp huấn luyện do Công ty và Sở lao động thương binh và xã hội tổ chức. Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn, quy định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình sản xuất. Các loại vật liệu dễ cháy, nổ có nơi cất giữ riêng biệt.

Kho chứa, bình đựng được bảo đảm thiết kế bộ phận an toàn, có thiết kế thiết bị theo dõi nhiệt độ, báo cháy, bố trí mạng lưới đường ống dẫn nước phòng cháy đến tất cả các phân xưởng sản xuất, đặc các họng cứu hỏa tại các điểm gần khu sản xuất, nhà kho. Xây dựng đội phòng chống cháy nổ đảm nhiệm công tác phòng cháy chữa cháy cho khu vực Công ty. Đội phòng cháy chữa cháy luôn luôn được tập huấn theo định kỳ. Tất cả công nhân trực tiếp làm việc trong các bộ phận có khả năng xảy ra cháy nổ. Bên cạnh đó, Công ty luôn có phương án phòng cháy chữa cháy được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy – Công an Tỉnh Hải Dương thẩm duyệt ngay từ khi xây dựng và đưa vào sử dụng. Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp trong khu vực nhà ở dọc theo các trục đường giao thông và hành lang công trình kết hợp bố trí các dụng cụ chữa cháy như bình CO2, bình bột,... đặt ở những địa điểm thao tác thuận lợi trong các công trình.



Duy trì hoạt động của Tổ quản lý môi trường

Tổ quản lý môi trường được thành lập với trách nhiệm quản lý môi trường chung trong toàn khu vực Công ty. Tổ quản lý môi trường có trách nhiệm điều tra, giám sát và đôn đốc các cán bộ nhân viên trong Công ty giữ gìn vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát các nguy cơ gây sự cố môi trường. Lập kế hoạch tư vấn giám sát môi trường trong khu vực sản xuất cũng như các khu vực xung quanh theo định kỳ và chịu trách nhiệm về các vấn đề môi trường liên quan khác

Hoạt động đào tạo

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch và yêu cầu thực tế của các đơn vị, Công ty tổ chức đào tạo bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn cho người lao động

- Hoạt động đào tạo nội bộ: do Cán bộ quản lý của Công ty trực tiếp giảng dạy. Đối tượng là CBCNV, người lao động làm việc tại các phòng, ban, phân xưởng liên quan trực tiếp đến sản xuất (đào tạo về GMP, ATVSLĐ,

PCCC..)



- Công ty cử cán bộ tại các phòng/ban liên quan tham dự các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn sâu do các cơ quan, đơn vị cấp trên tổ chức trong nhiều lĩnh vực: kiểm nghiệm, đảm bảo chất lượng, công tác nghiên cứu, công tác kế toán, công tác tiền lương, nghiệp vụ bảo hiểm, an toàn lao động...

- Công ty mời các đơn vị về đào tạo cho cán bộ: các lớp đào tạo kỹ năng bán hàng, đào tạo chuyên sâu về an toàn vệ sinh lao động.



TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Song song với việc sản xuất kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong những năm qua, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội để chung tay đẩy mạnh phát triển xã hội:

Đóng góp từ thiện nhân đạo cho các tổ chức, đoàn thể xã hội như: Đoàn thanh niên, Liên đoàn LĐ.

Ứng hộ người nghèo, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Phối hợp cùng các đơn vị trong ngành Y tế Hải Dương tổ chức khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, Hỗ trợ các bệnh viện về các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc khám chữa bệnh,...

Trích nộp các quỹ: Vì người nghèo, Quỹ chất độc da cam,... đầy đủ.







Bà Tổng Giám Đốc Nguyễn Thị Tú Anh nhận Bằng Khen UBND tỉnh Hải Dương cho công ty có thành tích tiêu biểu trong công tác phòng chống dịch Covid – 19

MỤC LỤC

--- oOo ---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	09 - 30



13
3
H
/A
E
UC
-1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ
HẢI DƯƠNG**

08 M.S.C.

15/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 08 năm 2022 với mã số doanh nghiệp là 0800011018.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2022 là sản xuất, thương mại, kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 theo Giấy đăng ký doanh nghiệp là: 149.997.850.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Trụ sở chính: số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm 2022 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng thành viên; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông	Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch
Ông	Trần Phúc Dương	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Tú Anh	Ủy viên

Ban kiểm soát

Bà	Phạm Thị Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
Ông	Trần Kim Cương	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc
Ông	Đỗ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 17/10/2022)
Ông	Đặng Văn Việt	Giám đốc chất lượng
Ông	Phạm Văn Quý	Giám đốc sản xuất (Miễn nhiệm từ ngày 01/04/2022)
Ông	Phạm Văn Năm	Giám đốc kinh doanh
Ông	Chu Văn Long	Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp như sau

Ông	Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT
Bà	Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc

5. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

6. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính tổng hợp thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Giám đốc công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính tổng hợp bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:****Quý Chủ động, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được lập ngày 25 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

002-C
NH
NH
AN
IN HQ
ISC
TP. H

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tổng hợp này tại ngày 16 tháng 03 năm 2022.



Nguyễn Thị Phương**Phó Giám đốc***Số Giấy CNDKHNKT: 4945-2019-005-1*

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Thanh Tùng**Kiểm toán viên***Số Giấy CNDKHNKT: 4981-2019-005-1*

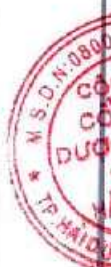
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		264.049.750.095	234.039.057.867
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	39.364.911.883	18.834.364.200
1. Tiền	111		39.364.911.883	18.834.364.200
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		112.337.473.798	122.412.186.886
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	105.844.799.926	118.821.440.568
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.057.364.009	3.269.079.430
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	1.435.309.863	321.666.888
III. Hàng tồn kho	140		111.162.799.917	91.173.186.341
1. Hàng tồn kho	141	V.4	111.162.799.917	91.173.186.341
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.184.564.497	1.619.320.440
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	965.575.656	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.12b	111.442.133	1.619.320.440
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	107.546.708	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		313.087.087.251	328.320.597.751
I. Tài sản cố định	220		296.745.834.976	314.335.656.519
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	278.326.265.230	293.897.454.105
- Nguyên giá	222		453.007.762.306	445.763.998.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(174.681.497.076)	(151.866.544.611)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8b	18.419.569.746	20.438.202.414
- Nguyên giá	228		25.557.287.846	25.557.287.846
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.137.718.100)	(5.119.085.432)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.392.694.175	2.264.358.370
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.392.694.175	2.264.358.370
III. Tài sản dài hạn khác	260		7.948.558.100	11.720.582.862
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	7.948.558.100	11.720.582.862
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		577.136.837.346	562.359.655.618



C.P. G.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		182.210.134.750	191.058.897.022
I. Nợ ngắn hạn	310		179.878.902.299	188.101.809.169
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.7	77.374.303.641	85.465.635.368
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	15.554.968.814	6.476.905.305
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	3.251.274.410	2.936.438.122
4. Phải trả người lao động	314		257.900.686	5.790.678.571
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	974.516.324	685.932.191
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	323.390.910	294.772.728
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	2.053.963.847	632.863.847
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	72.928.670.543	78.158.834.913
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.159.913.124	7.659.748.124
II. Nợ dài hạn	330		2.331.232.451	2.957.087.853
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	2.242.746.633	2.431.682.833
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		88.485.818	525.405.020
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		394.926.702.596	371.300.758.596
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	394.926.702.596	371.300.758.596
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.997.850.000	119.998.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		149.997.850.000	119.998.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.720.000.000	28.720.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		174.594.214.888	174.594.214.888
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.614.637.708	47.987.663.708
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		11.915.661.908	18.623.139.603
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		29.698.975.800	29.364.524.105
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		577.136.837.346	562.359.655.618

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Quốc Tuấn

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Chu Văn Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Tú Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	617.509.928.191	621.790.987.617
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.674.723.133	1.603.175.601
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	615.835.205.058	620.187.812.016
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	442.906.586.466	452.354.625.777
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		172.928.618.592	167.833.186.239
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	197.360.639	133.943.814
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.473.171.683	7.931.262.279
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.979.357.536	6.135.967.443
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	61.042.684.185	59.199.407.339
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.bb	69.102.574.001	66.394.724.185
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		36.507.549.362	34.441.736.250
11. Thu nhập khác	31	VI.7a	1.717.879.103	2.804.564.164
12. Chi phí khác	32	VI.7b	459.744.343	73.341.894
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.258.134.760	2.731.222.270
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		37.765.684.122	37.172.958.520
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	7.757.629.022	7.550.883.705
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		30.008.055.100	29.622.074.815
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.255	2.733
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.255	2.733

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Quốc Tuấn

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Chu Văn Long

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Tú Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	37.765.684.122	37.172.958.520
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	25.042.900.369	21.989.485.228
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	99.327.791	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(53.880.961)	(25.045.883)
- Chi phí lãi vay	06	3.979.357.536	6.135.967.443
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	66.833.388.857	65.273.365.308
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09	11.546.912.926	30.121.328.712
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10	(19.989.613.576)	(13.364.767.843)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(4.999.864.585)	6.220.240.329
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12	2.806.449.106	(11.360.647.037)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.979.357.536)	(6.135.967.443)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.074.220.731)	(8.212.188.930)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(499.835.000)	(170.494.606)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	44.643.859.461	62.370.868.490
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.684.498.847)	(6.245.761.274)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	27.272.728	0
4. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.608.233	25.045.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.630.617.886)	(6.220.715.391)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	171.146.147.335	145.255.543.987
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(176.565.247.905)	(192.566.905.592)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.999.944.000)	(5.999.967.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.419.044.570)	(53.311.328.605)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	20.594.197.005	2.838.824.494
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18.834.364.200	15.995.539.706
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(63.649.322)	0
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	39.364.911.883	18.834.364.200

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Trần Quốc Tuấn

Chu Văn Long

Nguyễn Thị Tú Anh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập:**

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 19 ngày 10 tháng 08 năm 2022 với mã số doanh nghiệp là 0800011018.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 theo Giấy đăng ký doanh nghiệp là: 149.997.850.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

2. Hình thức sở hữu vốn:

Trụ sở chính: số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2022 là sản xuất, thương mại, kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, dược liệu, hóa chất và tinh dầu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chính hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất vật tư y tế;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán buôn thực phẩm khác. Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Chi tiết: Bán buôn hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, dùng cho bệnh viện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, vật tư y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.
Chi tiết: Bán lẻ tinh dầu, dược liệu, máy móc - thiết bị y tế, hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, hóa chất dùng cho bệnh viện;
- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng cây dược liệu; Chăn nuôi khác. Chăn nuôi tác kê, rắn (dược Nhà nước cho phép);
- In ấn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Đại lý. Chi tiết: Đại lý mua bán thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà làm văn phòng, địa điểm kinh doanh, cửa hàng, nhà kho, nhà ở, bến bãi;

- Khách sạn; Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp;

- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;

- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc;

- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn bia, rượu, nước giải khát;

- Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Giáo dục mầm non;

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có

7. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2022: 752 người.

8. Cấu trúc doanh nghiệp

Ngày 01/04/2022, Công ty giải thể chi nhánh Chí Linh theo quyết định số 302/QĐ-DHD ngày 24/02/2022 của Chủ tịch HĐQT.

Ngày 6/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định thành lập Chi nhánh Cần Thơ tại địa điểm L09-53-54, đường số 7, Khu dân cư Stella, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, phần lớn khối văn phòng và khối sản xuất của Công ty được đặt tại địa chỉ 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ngoài ra, Công ty có 9 chi nhánh trực thuộc trong và ngoài tỉnh:

1. Chi nhánh Cẩm Giàng

2. Chi nhánh Hà Nội

3. Chi nhánh Thanh Miện

4. Chi nhánh Ninh Giang

5. Chi nhánh Cần Thơ

6. Chi nhánh Miền Trung

7. Chi nhánh Tứ Kỳ

8. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

9. Chi nhánh Hải Dương I

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh của ngân hàng phục vụ.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;

- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 26 năm
Máy móc thiết bị	5 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm lợi thế quyền thuê đất, chi phí thẩm định dự án và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi bán hàng trả chậm, trả góp và các hoạt động doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTDB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phân giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng thành viên, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	39.364.911.883	18.834.364.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.421.053.525	1.936.297.225
Cộng	25.943.858.358	16.898.066.975
	39.364.911.883	18.834.364.200

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	105.844.799.926	0	118.821.440.568	0
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương	4.793.254.143	0	12.619.191.306	0
Bệnh viện Tâm thần Hải Dương	1.267.067.969	0	204.419.214	0
Bệnh viện Phổi Hải Dương	1.231.177.070	0	2.327.299.628	0
Công ty cổ phần Thanh Dược	3.112.702.461	0	1.343.249.038	0
Trung tâm y tế huyện Bình Giang	3.083.032.887	0	4.434.887.834	0
Trung tâm Y tế Huyện Nam Sách	5.006.421.142	0	9.145.772.942	0
Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ	7.074.730.221	0	2.189.432.268	0
Công ty TNHH Golden Health USA	5.761.677.894	0	8.170.022.698	0
Bệnh viện quân y 7 - Cục hậu cần - Quân khu 3	1.389.630.944	0	1.413.183.940	0
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Hiền	862.890.778	0	120.300.419	0
Khách hàng khác	72.262.214.417	0	76.853.681.281	0
Cộng	105.844.799.926	0	118.821.440.568	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trả trước cho người bán	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH KT cơ điện lạnh Quý Long	822.552.500	0		0
Công ty cổ phần thiết bị MPM	550.004.672	0	947.260.000	0
Công ty TNHH Nhất Lộ Phát 168			305.448.000	
Công ty TNHH chế tạo máy Dược phẩm Tiến Tuấn HUIZHOU PINGFANG TRADING CO.,LTD	585.625.268	0		0
Các đối tượng khác	3.099.181.569		1.032.861.440	0
Cộng	5.057.364.009	0	3.269.079.430	0
4. Phải thu khác	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.435.309.863	0	321.666.888	0
Phải thu khác	56.019.797	0	73.421.378	0
Tạm ứng	638.499.257	0	149.519.830	0
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	740.790.809	0	98.725.680	0
Cộng	1.435.309.863	0	321.666.888	0
5. Hàng tồn kho	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	55.113.441.164	0	45.569.900.195	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	11.209.490.175	0	6.599.684.722	0
Thành phẩm	34.902.521.440	0	32.773.990.080	0
Hàng hóa	9.937.347.138	0	6.229.611.344	
Cộng	111.162.799.917	0	91.173.186.341	0
6. Chi phí trả trước	31/12/2022		01/01/2022	
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	965.575.656		0	
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	965.575.656		0	
b. Chi phí trả trước dài hạn	7.948.558.100		11.720.582.862	
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	499.834.506		674.626.480	
Chi phí tư vấn GMP WHO và GMP EU Nhà máy Cẩm Thượng	7.448.723.594		11.045.956.382	
Cộng	8.914.133.756		11.720.582.862	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Thuyết minh TSCĐ

Khoản mục	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư 01/01/2022	165.203.016.373	258.313.087.220	18.898.763.310	3.349.131.813	445.763.998.716
Mua sắm mới	0	6.655.413.516	1.234.584.512	0	7.889.998.028
Thanh lý, nhượng bán	0	(137.000.000)	(509.234.438)	0	(646.234.438)
Số dư 31/12/2022	165.203.016.373	264.831.500.736	19.624.113.384	3.349.131.813	453.007.762.306
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư 01/01/2022	43.074.786.798	89.293.535.444	16.218.951.260	3.279.271.109	151.866.544.611
Trích khấu hao trong năm	5.028.552.775	16.887.843.363	1.527.063.489	17.727.276	23.461.186.903
Thanh lý, nhượng bán	0	(137.000.000)	(509.234.438)	0	(646.234.438)
Số dư 31/12/2022	48.103.339.573	106.044.378.807	17.236.780.311	3.296.998.385	174.681.497.076
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư 01/01/2022	122.128.229.575	169.019.551.776	2.679.812.050	69.860.704	293.897.454.105
Số dư 31/12/2022	117.099.676.800	158.787.121.929	2.387.333.073	52.133.428	278.326.265.230

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

2.594.305.140 đồng

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

110.838.222.550 đồng

* Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2022 hình thành từ quỹ phát triển khoa học công nghệ:

2.473.297.526 đồng



Hải Dương, ngày 31/12/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Thương hiệu	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm		20.651.287.846	4.906.000.000	25.557.287.846
Số dư cuối năm	0	20.651.287.846	4.906.000.000	25.557.287.846
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		2.399.937.490	2.719.147.942	5.119.085.432
<i>Khấu hao trong năm</i>			2.018.632.668	2.018.632.668
Số dư cuối năm	0	2.399.937.490	4.737.780.610	7.137.718.100
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	0	18.251.350.356	2.186.852.058	20.438.202.414
Số dư cuối năm	0	18.251.350.356	168.219.390	18.419.569.746

* Nguyên giá TSCĐ vô hình tại 31/12/2022 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 2.399.937.490

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí TV tiêu chuẩn EU GMP của DA nhà máy Cẩm Thượng GD 2	1.046.647.790	0
Chi phí đầu tư xây dựng Nhà văn phòng và bán hàng CN Cần Thơ	3.381.312.557	48.771.818
Giá trị quyền sử dụng đất L09-54 và L09-53 Tại Cần Thơ	3.964.733.828	2.215.586.552
Cộng	8.392.694.175	2.264.358.370

10. Phải trả người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	77.374.303.641	77.374.303.641	85.465.635.368	85.465.635.368
Công ty CP FRESENIUS				
KABI VIỆT NAM	2.452.320.122	2.452.320.122	1.784.594.235	1.784.594.235
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận An Phát	1.740.605.045	1.740.605.045	5.040.821.043	5.040.821.043
Công ty TNHH TM Dược phẩm Vạn Xuân	3.011.560.416	3.011.560.416	3.102.664.759	3.102.664.759
Công ty TNHH Dược phẩm CAMLY	94.928.580	94.928.580	438.910.041	438.910.041
Công Ty Cổ Phần Dược á Châu	420.970.874	420.970.874	8.251.029.126	8.251.029.126
Công ty TNHH TM Và Sản Xuất Đông Âu	2.801.239.267	2.801.239.267	1.627.353.582	1.627.353.582
Công ty TNHH Đức Tân Sài Gòn	1.664.504.204	1.664.504.204	1.664.504.204	1.664.504.204
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hoàng Hà	488.879.875	488.879.875	3.294.795.760	3.294.795.760
Công ty TNHH Golden Health USA	537.382.660	537.382.660	665.149.646	665.149.646
Phải trả người bán khác	64.161.912.598	64.161.912.598	59.595.812.972	59.595.812.972
Cộng	77.374.303.641	77.374.303.641	85.465.635.368	85.465.635.368

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Người mua trả tiền trước		31/12/2022	01/01/2022	
a. Ngắn hạn		15.554.968.814	6.476.905.305	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoàng Giang		4.272.765.000	9.857.074	
Công ty TNHH Thương mại Nga Việt		60.060.000	26.152.500	
Summer Jordan for Storage & General Trading		1.223.560.000	0	
Công ty Cổ phần World Roche		750.000.000	378.000.000	
Công ty Cổ phần Dược VP-PHARM		471.444.000	299.500.000	
Công ty TNHH Golden Health USA		597.350.000	1.608.810.227	
Các khách hàng khác		8.179.789.814	4.154.585.504	
Cộng		15.554.968.814	6.476.905.305	
12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
a. Phải nộp				
Thuế XNK		276.742.688	276.742.688	0
Thuế TNDN (*)	1.955.826.487	7.879.767.149	7.184.340.531	2.651.253.105
Thuế thu nhập cá nhân	442.517.796	1.399.980.847	1.242.477.338	600.021.305
Tiền thuế đất	538.093.839	1.526.584.623	2.064.678.462	0
Thuế khác	0	127.480.168	127.480.168	0
Cộng	2.936.438.122	11.210.555.475	10.895.719.187	3.251.274.410
b. Phải thu				
Thuế GTGT	0	42.192.233.076	42.299.779.784	107.546.708
Cộng	0	42.192.233.076	42.299.779.784	107.546.708
(*) Trong đó, thuế TNDN đã thực nộp trong năm:				
- Thuế TNDN đã nộp vào NSNN:				7.074.220.731
- Thuế TNDN được miễn giảm (phần chi cho lao động nữ):				110.119.800
Cộng				7.184.340.531
Thuế TNDN đã phải nộp trong năm:				
- Thuế TNDN phải nộp năm 2022				7.757.629.022
- Truy thu thuế TNDN theo QĐ 11989 ngày 12/12/2022 về xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo KL ktra kỳ tính thuế 2017-2018				122.138.127
Cộng				7.879.767.149
13. Chi phí phải trả		31/12/2022	01/01/2022	
a. Ngắn hạn		974.516.324	685.932.191	
Tiền lương hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký		206.000.000	146.689.091	
Chi phí phải trả khác		768.516.324	539.243.100	
Cộng		974.516.324	685.932.191	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Cho thuê văn phòng	323.390.910		294.772.728	
Cộng	<u>323.390.910</u>		<u>294.772.728</u>	
15. Phải trả khác	31/12/2022		01/01/2022	
a. Ngắn hạn				
Các khoản phải trả khác	2.053.963.847		632.863.847	
Cộng	<u>2.053.963.847</u>		<u>632.863.847</u>	
16. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	72.928.670.543	72.928.670.543	78.158.834.913	78.158.834.913
Ngân Hàng TMCP Quân đội - CN Hải Dương (1)	4.302.087.574	4.302.087.574	0	0
Ngân hàng TMCP Công thương Hải Dương (2)	0	0	27.947.352.375	27.947.352.375
NH TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương (3)	0	0	12.104.235.272	12.104.235.272
Ngân hàng BIDV Chi nhánh Trần Hưng Đạo (4)	68.245.582.969	68.245.582.969	37.676.247.266	37.676.247.266
Vay cán bộ nhân viên	381.000.000	381.000.000	431.000.000	431.000.000
Cộng	<u>72.928.670.543</u>	<u>72.928.670.543</u>	<u>78.158.834.913</u>	<u>78.158.834.913</u>

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:

(1) Hợp đồng tín dụng số 12317.22.270.1150261.TD ngày 28/03/2022; Mục đích vay: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế và trang thiết bị y tế của Khách hàng. Hạn mức cho vay: 56.000.000.000; Lãi suất cho vay quy định cụ thể trên giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân. Thời hạn cho vay của từng khoản vay ghi trên Giấy nhận nợ: Không quá 6 tháng/ khế ước. Thời hạn duy trì hạn mức: Từ 28/03/2022 đến 16/03/2023.

(2) Hợp đồng tín dụng số 24.11/CNHD9/2022-HĐCVHM/NHCT340-DUOCVITYT ngày 10/12/2022; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế thiết bị; Hạn mức cho vay: 50.000.000.000; Lãi suất cho vay quy định cụ thể trên giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân; Thời hạn cho vay của từng khoản vay ghi trên Giấy nhận nợ: Không quá 6 tháng kể từ lần giải ngân; Thời hạn duy trì hạn mức: Từ 10/12/2022 đến 10/12/2023.

(3) Hợp đồng tín dụng số 428755621 ngày 23/8/2021; Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng; Mục đích: Đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư thiết bị y tế; Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ.

(4) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/222776/HĐTD ngày 24/05/2022; Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất được quy định theo từng Hợp đồng tín dụng. Hợp đồng cấp bảo lãnh, L/C được phát hành. Tài sản đảm bảo là Hệ thống máy móc thiết bị ngành y tế và Tài sản gắn liền với đất của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Mẫu số 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Tặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	99.999.450.000	28.720.000.000	174.594.214.888	44.696.872.006	348.000.536.894
Lợi nhuận	0	0	0	29.622.074.815	29.622.074.815
Tăng vốn	19.999.430.000	0	0	0	19.999.430.000
Chia cổ tức	0	0	0	(25.999.397.000)	(25.999.397.000)
Giảm khác	0	0	0	(321.886.113)	(321.886.113)
Số dư cuối năm trước	119.998.880.000	28.720.000.000	174.594.214.888	47.987.663.708	371.300.758.596
Số dư đầu năm nay	119.998.880.000	28.720.000.000	174.594.214.888	47.987.663.708	371.300.758.596
Lợi nhuận	0	0	0	30.008.055.100	30.008.055.100
Tăng vốn	29.998.970.000	0	0	0	29.998.970.000
Chia cổ tức	0	0	0	(35.998.914.000)	(35.998.914.000)
Giảm khác	0	0	0	(382.167.100)	(382.167.100)
Số dư cuối năm nay	149.997.850.000	28.720.000.000	174.594.214.888	41.614.637.708	394.926.702.596

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 54/NQ-ĐHCB-DHD ngày 28/4/2022. Theo đó, Công ty phân phối lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 như sau:

Trả cổ tức bằng cổ phiếu	29.998.970.000 đồng
Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.999.944.000 đồng
Cộng	35.998.914.000 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Vốn góp chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	0	0,00%	0	0,00%
Vốn góp của Cổ đông khác	149.997.850.000	125,00%	119.998.880.000	100,00%
Cộng	149.997.850.000	125%	119.998.880.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn góp của chủ sở hữu	149.997.850.000	119.998.880.000
Vốn góp đầu năm	119.998.880.000	99.999.450.000
Vốn góp tăng trong năm	29.998.970.000	19.999.430.000
Vốn góp giảm trong năm	0	0
Vốn góp cuối năm	149.997.850.000	119.998.880.000
Lợi nhuận đã chia	35.998.914.000	25.999.397.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.999.785	11.999.888
Cổ phiếu phổ thông	14.999.785	11.999.888
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.999.785	11.999.888
Cổ phiếu phổ thông	14.999.785	11.999.888
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
Quỹ đầu tư phát triển	174.594.214.888	174.594.214.888
Cộng	174.594.214.888	174.594.214.888

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiểu sâu của doanh nghiệp.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
USD	192.393,23	687,95
EUR	9.119,71	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	614.386.246.371	619.137.987.617
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.123.681.820	2.653.000.000
Cộng	617.509.928.191	621.790.987.617
b. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2022	Năm 2021
Chiết khấu thương mại	24.018.235	84.784.037
Giảm giá hàng bán	25.327.841	48.765.360
Hàng bán bị trả lại	1.625.377.057	1.469.626.204
Cộng	1.674.723.133	1.603.175.601
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	612.711.523.238	617.534.812.016
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.123.681.820	2.653.000.000
Cộng	615.835.205.058	620.187.812.016
3. Giá vốn hàng bán	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	442.906.586.466	452.354.625.777
Cộng	442.906.586.466	452.354.625.777
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.608.233	25.045.883
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	170.750.156	108.897.931
Doanh thu tài chính khác	2.250	0
Cộng	197.360.639	133.943.814
5. Chi phí tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	3.979.357.536	6.135.967.443
Chiết khấu thanh toán	2.077.437.715	1.683.853.885
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	272.048.641	71.440.951
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	99.327.791	
Chi phí tài chính khác	45.000.000	40.000.000
Cộng	6.473.171.683	7.931.262.279
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2021
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên bán hàng	42.372.689.909	42.980.227.196
Chi phí vật liệu bao bì	3.218.240	0
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	0	14.900.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.840.034.489	2.203.285.501
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.063.508.613	5.031.911.122
Chi phí bằng tiền khác	9.763.232.934	8.969.083.520
Cộng	61.042.684.185	59.199.407.339

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2022	Năm 2021
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	29.682.184.220	30.130.560.907
Chi phí vật liệu quản lý	3.653.954.749	3.398.503.109
Chi phí đồ dùng văn phòng	5.210.853.437	1.668.124.275
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.385.048.455	7.012.124.291
Thuế, phí và lệ phí	1.451.535.179	1.327.525.349
Chi phí dự phòng	1.817.950.650	7.997.971.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.684.340.895	4.528.854.772
Chi phí bằng tiền khác	14.216.706.416	10.331.060.294
Cộng	69.102.574.001	66.394.724.185
7. a. Thu nhập khác		
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	27.272.728	
Trong đó	-	
+ Thu thanh lý TSCĐ	27.272.728	
+ Giá trị còn lại của TSCĐ	0	
+ Thu thuận thanh lý	27.272.728	
- Thu nhập khác	1.690.606.375	2.804.564.164
Cộng	1.717.879.103	2.804.564.164
7. b. Chi phí khác		
Chi phí thanh lý tài sản	459.744.343	50.000.000
Lãi chậm trả bảo hiểm	0	23.341.894
Cộng	459.744.343	73.341.894
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	262.263.819.964	229.507.423.697
Chi phí nhân công	99.278.855.238	96.288.411.435
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.042.900.369	21.989.485.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.020.102.455	26.288.553.899
Chi phí khác bằng tiền	36.146.975.535	33.733.537.731
Cộng	455.752.653.561	407.807.411.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán trước thuế	37.765.684.122	37.172.958.520
Các khoản điều chỉnh tăng	1.022.460.989	581.460.005
Phạt vi phạm hành chính	414.744.343	-
Chi phí khấu hao tương ứng với nguyên giá TSCĐ vượt trên 1,6 tỷ đồng	531.460.000	50.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu có gốc ngoại tệ	76.256.646	531.460.005
Các khoản điều chỉnh giảm	-	0
Thu nhập tính thuế	38.788.145.111	37.754.418.525
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	7.757.629.022	7.550.883.705
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.757.629.022	7.550.883.705

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.008.055.100	29.622.074.815
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.008.055.100	29.622.074.815
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.306.692	10.838.277
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.255	2.733

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2022 mà chưa được trình bày trong Báo cáo này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2022:

	Chức danh	Năm 2022
+ Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc		2.551.647.738
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	389.427.086
Trần Phúc Dương	Ủy viên HĐQT	286.625.300
Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT	677.341.686
Đỗ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc	282.175.009
Đặng Văn Việt	Giám đốc chất lượng	410.478.657
Phạm Văn Năm	Giám đốc kinh doanh	505.600.000
+ Thu nhập của Ban kiểm soát		792.174.485
Phạm Thị Thủy	Trưởng ban	226.286.108
Trần Kim Cương	Thành viên	257.956.920
Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên	307.931.457
Cộng		3.343.822.223

4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2021
4.1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		-	-
a. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	54,25%	58,38%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	45,75%	41,62%
b. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,57%	33,97%
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	68,43%	66,03%
4.2. Khả năng thanh toán			
a, Khả năng thanh toán tổng quát	<i>lần</i>	3,17	2,94
b, Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	<i>lần</i>	1,47	1,24
c, Khả năng thanh toán nhanh	<i>lần</i>	0,85	0,76
4.3. Tỷ suất sinh lời	0		
a. Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu	0		
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	6,12%	5,98%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	4,86%	4,76%
b. Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản	%		
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	6,54%	6,61%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,20%	5,27%
c. Tỷ suất LNST/Nguồn vốn CSH	%	7,60%	7,98%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban hành kèm theo TT số 200/2014/TT-BTC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên của Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hải Dương, ngày 25 tháng 02 năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Tuấn

Chu Văn Long

Nguyễn Thị Tú Anh

